

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Hải Ninh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG – 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI
MỸ TÍN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Hải Ninh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Lê Thị Nam Phương**

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

.....

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Hải Ninh

Mã sinh viên: 151 240 1115

Lớp: QT1901K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.
 - Phân tích thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
 - Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp có quy mô lớn.
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp
 - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín, sử dụng số liệu năm 2018.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:
 - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
 - Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: *Lê Thị Nam Phương*

Học hàm, học vị: *Thạc sỹ*

Cơ quan công tác: *Trường Đại học Dân lập Hải Phòng*

Nội dung hướng dẫn: *Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.*

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày ... tháng năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Người hướng dẫn

Phạm Thị Hải Ninh

Ths. Lê Thị Nam Phương

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: **Lê Thị Nam Phương**

Đơn vị công tác: **Khoa Quản trị kinh doanh**

Họ và tên sinh viên: **Phạm Thị Hải Ninh** Chuyên ngành: **Kế toán - Kiểm toán**

Đề tài tốt nghiệp: **Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín**

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giao

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khoá luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Bài viết của sinh viên **Phạm Thị Hải Ninh** đã đáp ứng được yêu cầu của một khoá luận tốt nghiệp. Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

Chương 1: Trong chương này, tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định hiện hành.

Chương 2: Trong chương này, tác giả đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH sản xuất và thương mại Mỹ Tín. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2018). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Trong chương này, tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH sản xuất và thương mại Mỹ Tín, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày... tháng... năm 2019

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA	3
1.1 Những vấn đề chung về kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	3
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp	3
1.1.2 Khái niệm, đặc điểm và tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định.....	3
1.1.2.1 Khái niệm và đặc điểm tài sản cố định	3
1.1.2.2 Tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định	4
1.1.3 Phân loại và đánh giá tài sản cố định.....	6
1.1.3.1 Phân loại tài sản cố định.....	6
1.1.3.2 Đánh giá giá trị tài sản cố định.....	10
1.1.4 Nguyên tắc quản lý và nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.....	16
1.1.4.1 Nguyên tắc quản lý TSCĐ trong doanh nghiệp	16
1.1.4.2 Nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định	16
1.2 Nội dung công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	17
1.2.1 Kế toán chi tiết tài sản cố định trong doanh nghiệp	17
1.2.2 Kế toán tổng hợp tăng, giảm tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	18
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng.....	18
1.2.2.2 Tài khoản sử dụng.....	18
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán tài sản cố định	19
1.3. Kế toán khấu hao tài sản cố định.....	21
1.3.1. Nguyên tắc khấu hao tài sản cố định	21
1.3.2. Xác định thời gian trích khấu hao của tài sản cố định.....	22
1.3.3. Các phương pháp trích khấu hao tài sản cố định.....	23
1.3.4. Chứng từ và tài khoản sử dụng	26
1.3.5. Phương pháp hạch toán.....	27
1.4. Kế toán sửa chữa tài sản cố định.....	27
1.4.1 Kế toán sửa chữa thường xuyên tài sản cố định	28
1.4.2 Kế toán sửa chữa lớn tài sản cố định	28
1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	30
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MỸ TÍN	35

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.....	35
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.	35
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.	36
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.	37
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.....	39
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	39
2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.....	41
2.1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.....	42
2.1.4.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.....	43
2.2 Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.	43
2.2.1 Phân loại và đánh giá giá trị tài sản cố định tại công ty.....	43
2.2.2 Kế toán chi tiết tài sản cố định tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.....	44
2.2.3 Kế toán tổng hợp tăng, giảm tài sản cố định tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.....	51
2.2.4. Kế toán khấu hao tài sản cố định.....	61
2.2.5 Kế toán sửa chữa tài sản cố định.....	66
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MỸ TÍN.....	73
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty.....	73
3.1.1 Ưu điểm.....	73
3.1.2 Hạn chế.....	75
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.....	76
3.2.1. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty.....	76
3.2.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.....	77
KẾT LUẬN.....	85
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	86

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Phương pháp hạch toán tăng, giảm TSCĐ hữu hình, vô hình	20
Sơ đồ 1.2: Kế toán khấu hao TSCĐ.....	27
Sơ đồ 1.3 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tài sản cố định theo hình thức kế toán Nhật ký chung	31
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tài sản cố định theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái.....	32
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tài sản cố định theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	33
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tài sản cố định theo hình thức kế toán máy	34
Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín ..	38
Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín	40
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.....	42

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Biên bản thanh lý TSCĐ	47
Biểu số 2.2. Thẻ tài sản cố định.....	48
Biểu số 2.3: Sổ chi tiết tài khoản 211	49
Biểu số 2.4: Hóa đơn GTGT.....	54
Biểu 2.5: Giấy báo nợ.....	55
Biểu 2.6: Sao kê tài khoản chi tiết	56
Biểu số 2.7: Hóa đơn GTGT.....	57
Biểu 2.8: Phiếu thu	58
Biểu số 2.9: Trích sổ Nhật ký chung.....	59
Biểu số 2.10: Trích sổ cái TK 211	60
Biểu số 2.11: Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ	63
Biểu số 2.12: Trích sổ Nhật ký chung.....	64
Biểu số 2.13: Trích sổ Cái TK 214	65
Biểu số 2.14: Hóa đơn GTGT.....	68
Biểu số 2.15: Bảng tổng hợp CPSC thường xuyên	69
Biểu số 2.18: Trích sổ Cái TK 642	72
Biểu số 2.17: Trích sổ Nhật ký chung.....	71
Biểu số 2.16: Phiếu chi tiền.....	70

DANH MỤC VIẾT TẮT

1. TT-BTC	Thông tư bộ tài chính
2. TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
3. GTGT	Giá trị gia tăng
4. TSCĐ	Tài sản cố định
5. TK	Tài khoản
6. DN	Doanh nghiệp
7. BTC	Bộ tài chính

LỜI NÓI ĐẦU

Tài sản cố định (TSCĐ) là một trong những bộ phận cơ bản tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân, đồng thời là bộ phận quan trọng quyết định sự sống còn của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh. Đối với doanh nghiệp, tài sản cố định là điều kiện cần thiết để giảm hao phí sức lao động của con người, nâng cao năng suất lao động. Nó thể hiện cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ công nghệ, năng lực và thế mạnh của doanh nghiệp trong việc phát triển sản xuất kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì tài sản cố định là yếu tố quan trọng để tạo nên sức mạnh cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

Đối với ngành sản xuất, kế toán tài sản cố định là một khâu quan trọng trong bộ phận kế toán. Nó cung cấp toàn bộ nguồn số liệu đáng tin cậy về tình hình tài sản cố định hiện có của công ty và tình hình tăng giảm tài sản cố định.... Từ đó tăng cường biện pháp kiểm tra, quản lý chặt chẽ các tài sản cố định của công ty. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán tài sản cố định luôn là sự quan tâm của các doanh nghiệp, cũng như các nhà quản lý kinh tế.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín, xuất phát từ ý nghĩa thực tiễn và cơ sở lý luận của công tác kế toán tài sản cố định, cùng với những kiến thức đã được các thầy, cô giáo trang bị cho em trong khoá học đặc biệt là sự hướng dẫn nhiệt tình của cô giáo ***Ths. Lê Thị Nam Phương*** và các cô chú Phòng kế toán Công ty đã giúp em thấy rõ được vai trò của kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp. Từ đó em đi sâu nghiên cứu tìm hiểu và mạnh dạn chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín”***

Nội dung của khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín mặc dù đã cố gắng hết sức, song do vốn hiểu biết còn hạn chế, thời gian tìm hiểu và học tập không dài, vì vậy khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong nhận được sự góp ý của thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1.1 Những vấn đề chung về kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

Trong lịch sử phát triển nhân loại, các cuộc đại cách mạng công nghiệp đều tập trung vào giải quyết các vấn đề về cơ khí hóa, điện khí hóa, tự động hóa quá trình sản xuất, đổi mới, hoàn thiện tài sản cố định. Nhìn từ góc độ vĩ mô ta thấy: yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp đến nền kinh tế thị trường là uy tín chất lượng sản phẩm của mình đưa ra thị trường nhưng đó chỉ là biểu hiện bên ngoài còn thực chất bên trong là các máy móc, thiết bị công nghệ chế biến có đáp ứng được yêu cầu sản xuất của doanh nghiệp hay không? Tài sản cố định là điều kiện quan trọng để tăng năng suất lao động xã hội và phát triển nền kinh tế quốc dân. Nó thể hiện một cách chính xác nhất năng lực và trình độ cơ sở vật chất của mỗi doanh nghiệp. Tài sản cố định được đổi mới và sử dụng có hiệu quả sẽ là một trong những yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung.

1.1.2 Khái niệm, đặc điểm và tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định

1.1.2.1 Khái niệm và đặc điểm tài sản cố định

Để doanh nghiệp tiến hành hoạt động sản xuất, các doanh nghiệp cần phải có các yếu tố như: tư liệu lao động, đối tượng lao động, sức lao động. Tư liệu lao động phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp, chúng không những khác nhau về giá trị, giá trị sử dụng mà còn khác nhau về thời gian hoạt động. Để thuận lợi cho việc quản lý, bảo tồn và phát triển đối với tư liệu lao động có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài như: nhà cửa, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị...được xếp thành một nhóm riêng gọi là tài sản cố định (TSCĐ). Tài sản cố định có những đặc điểm như sau:

- TSCĐ tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh mà không thay đổi hình thái vật chất ban đầu.

- Giá trị sử dụng và giá trị của TSCĐ bị giảm dần khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh do sự hao mòn và giá trị hao mòn được chuyển dịch từng phần vào giá trị sản phẩm sản xuất ra. Bộ phận giá trị chuyển dịch này cấu thành một yếu tố chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được bồi đắp mỗi khi sản phẩm được tiêu thụ.

- Đối với TSCĐ vô hình, khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh cũng bị hao mòn do tiến bộ khoa học kỹ thuật và do hạn chế về pháp luật. Giá trị của TSCĐ vô hình cũng được dịch chuyển dần từng phần vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.2.2 Tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC về “*Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định*”:

a) Tài sản cố định hữu hình là những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc hoạt động khác phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ hữu hình.

Những tài sản hữu hình có kết cấu độc lập hoặc nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau thành một hệ thống để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được, nếu thỏa mãn đồng thời cả bốn tiêu chuẩn dưới đây thì được coi là tài sản cố định:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;

- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy;

- Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên;

- Có giá trị theo quy định hiện hành.

Trường hợp một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và nếu

thiếu một bộ phận nào đó mà cả hệ thống vẫn thực hiện được chức năng hoạt động chính của nó nhưng do yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản cố định đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản và mỗi bộ phận tài sản đó nếu cùng thỏa mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của tài sản cố định thì được coi là một tài sản cố định hữu hình độc lập.

Đối với súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm, nếu từng con súc vật thỏa mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của tài sản cố định đều được coi là một tài sản cố định hữu hình.

Đối với vườn cây lâu năm, nếu từng mảnh vườn cây, hoặc cây thỏa mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của tài sản cố định thì cũng được coi là một tài sản cố định hữu hình.

b) TSCĐ vô hình là những tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, do doanh nghiệp nắm giữ sử dụng trong sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê và phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình.

Khi một tài sản vô hình được thỏa mãn đồng thời 4 tiêu chuẩn quy định tại điểm a nêu trên thì được coi là TSCĐVH.

c) TSCĐ thuê tài chính

- Thuê tài chính: Là hình thức thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

- Các trường hợp thường dẫn đến hợp đồng thuê tài chính là:

+ Bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho bên thuê khi hết thời hạn thuê;

+ Tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, bên thuê có quyền lựa chọn mua lại tài sản thuê với mức giá ước tính thấp hơn giá trị hợp lý vào cuối thời hạn thuê;

+ Thời hạn thuê tài sản tối thiểu phải chiếm phần lớn thời gian sử dụng kinh tế của tài sản cho dù không có sự chuyển giao quyền sở hữu;

+ Tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu chiếm phần lớn (tương đương) giá trị hợp lý của tài sản thuê;

+ Tài sản thuê thuộc loại chuyên dùng mà chỉ có bên thuê có khả năng sử dụng không cần có sự thay đổi, sửa chữa lớn nào.

- Hợp đồng thuê tài sản được coi là hợp đồng thuê tài chính nếu thỏa mãn ít nhất một trong ba (3) điều kiện sau:

+ Nếu bên thuê hủy hợp đồng và đền bù tổn thất phát sinh liên quan đến việc hủy hợp đồng cho bên cho thuê;

+ Thu nhập hoặc tổn thất do sự thay đổi giá trị hợp lý của giá trị còn lại của tài sản thuê gắn với bên thuê;

+ Bên thuê có khả năng tiếp tục thuê lại tài sản sau khi hết hạn hợp đồng thuê với tiền thuê thấp hơn giá thuê thị trường. Riêng trường hợp thuê tài sản là quyền sử dụng đất thì thường được phân loại là thuê hoạt động.

- TSCĐ thuê tài chính là những TSCĐ chưa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp có nghĩa vụ và trách nhiệm quản lý và sử dụng như tài sản của doanh nghiệp.

1.1.3 Phân loại và đánh giá tài sản cố định

1.1.3.1 Phân loại tài sản cố định

Do tài sản cố định trong doanh nghiệp có nhiều loại với nhiều hình thái biểu hiện, tính chất đầu tư, công dụng và tình hình sử dụng khác nhau... nên để thuận lợi cho việc quản lý và hạch toán tài sản cố định cần sắp xếp tài sản cố định vào từng nhóm theo từng đặc trưng nhất định. Sự sắp xếp này tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác tối đa công dụng của tài sản cố định và phục vụ tốt cho công tác thống kê tài sản cố định.

Tài sản cố định có thể được phân theo nhiều tiêu thức khác nhau, như theo hình thái biểu hiện, theo nguồn hình thành, theo công dụng và tình hình sử dụng... Mỗi một cách phân loại sẽ đáp ứng được những nhu cầu quản lý nhất định cụ thể.

- **Phân loại tài sản cố định theo hình thái biểu hiện**

Căn cứ vào hình thái biểu hiện thì tài sản cố định trong doanh nghiệp được phân thành 2 loại: tài sản cố định mang hình thái vật chất (hay tài sản cố định hữu hình) và tài sản cố định không có hình thái vật chất (hay tài sản cố định vô hình).

❖ **Tài sản cố định hữu hình:** Là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất cụ thể, có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài, tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu. Thuộc về loại này gồm có:

- *Nhà cửa, vật kiến trúc:* Là tài sản cố định được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như trụ sở làm việc, nhà kho, sân bãi, cầu cống...

- *Máy móc, thiết bị động lực:* Là toàn bộ máy móc, thiết bị trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy móc chuyên dùng, thiết bị công tác...

- *Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn:* là những phương tiện vận tải như các loại đầu máy, đường ống và các phương tiện khác như ô tô, máy kéo, xe tải...

- *Thiết bị, dụng cụ quản lý:* gồm các thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như các dụng cụ đo lường, máy tính, máy điều hoà...

- *Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm:* gồm các loại cây lâu năm (cà phê, chè, cao su,...), súc vật làm việc (voi, bò, trâu cày kéo...) và các súc vật nuôi để lấy sản phẩm (bò sữa, súc vật sinh sản...).

- *Tài sản cố định hữu hình khác:* Bao gồm những tài sản cố định mà chưa được quy định phản ánh vào các loại nói trên (tác phẩm nghệ thuật, sách chuyên môn kỹ thuật...)

Tài sản cố định vô hình: Là những tài sản cố định không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư có liên quan trực tiếp đến nhiều chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Thuộc về tài sản cố định vô hình gồm có:

- *Quyền sử dụng đất*: Chỉ phản ánh vào tài khoản này quyền sử dụng đất được coi là tài sản cố định vô hình theo quy định của pháp luật. Giá trị tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất gồm toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra liên quan trực tiếp tới quyền sử dụng đất, như: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng (trường hợp quyền sử dụng đất riêng biệt đối với giai đoạn đầu tư nhà cửa, vật kiến trúc trên đất), lệ phí trước bạ (nếu có)... Tài khoản này không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất.

- *Quyền phát hành*: Phản ánh giá trị tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có quyền phát hành.

- *Bản quyền, bằng sáng chế*: Phản ánh giá trị tài sản cố định vô hình là các chi phí thực tế chi ra để có bản quyền tác giả, bằng sáng chế.

- *Nhãn hiệu, tên thương mại*: Phản ánh giá trị tài sản cố định vô hình là các chi phí thực tế liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hoá.

- *Phần mềm máy vi tính*: Phản ánh giá trị tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có chương trình phần mềm.

- *Giấy phép và giấy phép nhượng quyền*: Phản ánh giá trị tài sản cố định vô hình là các khoản chi ra để doanh nghiệp có được giấy phép hoặc giấy phép nhượng quyền thực hiện công việc đó, như: Giấy phép khai thác, giấy phép sản xuất loại sản phẩm mới,...

- *Tài sản cố định vô hình khác*: Phản ánh giá trị các loại tài sản cố định vô hình khác chưa quy định phản ánh ở các tài khoản trên.

Việc phân loại tài sản cố định theo tiêu thức này tạo điều kiện thuận lợi cho người tổ chức hạch toán tài sản cố định, sử dụng tài khoản kế toán một cách phù hợp và khai thác triệt để tính năng kỹ thuật của tài sản cố định.

- ***Phân loại tài sản cố định theo nguồn hình thành***

Theo cách phân loại này, tài sản cố định được phân chia thành 2 loại cơ bản là tài sản cố định tự có và tài sản cố định thuê ngoài.

* **Tài sản cố định tự có:** Là những tài sản cố định xây dựng, mua sắm, hoặc chế tạo bằng nguồn vốn của doanh nghiệp, do ngân sách Nhà nước cấp, do đi vay của ngân hàng, bằng nguồn vốn tự bổ sung, nguồn vốn liên doanh...

* **Tài sản cố định đi thuê :**

Tài sản cố định đi thuê gồm 2 loại sau:

- **Tài sản cố định thuê hoạt động:** là những tài sản cố định doanh nghiệp đi thuê của các đơn vị khác để sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định theo hợp đồng kí kết.

- **Tài sản cố định thuê tài chính:** Là những tài sản cố định doanh nghiệp thuê của công ty cho thuê tài chính, nếu hợp đồng thuê thoả mãn ít nhất 1 trong 4 điều sau:

+ Khi kết thúc thời hạn cho thuê hợp đồng, bên thuê được nhận quyền sở hữu tài sản thuê hoặc được tiếp tục thuê theo sự thoả thuận.

+ Thời hạn thuê một tài sản ít nhất phải chiếm phần lớn thời gian hữu dụng của tài sản.

+ Tổng số tiền thuê tài sản phải trả ít nhất phải tương đương với giá trị tài sản đó trên thị trường vào thời điểm kí hợp đồng.

+ Khi kết thúc thời hạn thuê bên thuê được quyền lựa chọn mua tài sản thuê theo giá danh nghĩa thấp hơn giá trị thực tế của tài sản thuê tại thời điểm hiện mua lại.

Việc phân loại tài sản cố định theo tiêu thức này phản ánh chính xác tỷ trọng tài sản cố định thuộc sở hữu của doanh nghiệp và tỷ trọng tài sản cố định thuộc quyền quản lý và sử dụng của doanh nghiệp đến những đối tượng quan tâm. Bên cạnh đó cũng xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp đối với từng loại tài sản cố định.

• **Phân loại tài sản cố định theo công dụng kinh tế**

Theo tiêu thức này, tài sản cố định được phân chia thành 4 loại cơ bản sau:

- **Tài sản cố định dùng trong sản xuất kinh doanh:** Là những tài sản cố định đang thực tế sử dụng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Những tài sản cố định này bắt buộc phải trích khấu hao tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

- *Tài sản cố định bảo quản hộ, cất giữ hộ Nhà nước*: Bao gồm những tài sản cố định doanh nghiệp bảo quản hộ, giữ hộ cho đơn vị khác hoặc cất hộ Nhà nước theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- *Tài sản cố định chờ xử lý*: Bao gồm các tài sản cố định không cần dùng, chưa cần dùng vì thừa so với nhu cầu sử dụng hoặc không thích hợp với sự đổi mới quy trình công nghệ, bị hư hỏng chờ thanh lý, tài sản cố định tranh chấp chờ giải quyết, những tài sản cố định này cần xử lý nhanh chóng để thu hồi vốn sử dụng cho việc đầu tư đổi mới tài sản cố định.

- *Tài sản cố định dùng cho mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh, quốc phòng*: Là những tài sản cố định do doanh nghiệp quản lý sử dụng cho các hoạt động phúc lợi, sự nghiệp, an ninh quốc phòng trong doanh nghiệp.

1.1.3.2 Đánh giá giá trị tài sản cố định

Việc đánh giá TSCĐ trong doanh nghiệp là vô cùng quan trọng vì nó là cơ sở để hạch toán TSCĐ, tính và phân bổ khấu hao một cách chính xác. Đánh giá TSCĐ là việc xác định giá trị ghi sổ của TSCĐ. Tài sản cố định được đánh giá theo các chỉ tiêu: nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại của TSCĐ.

a) Nguyên giá:

Nguyên giá của TSCĐ là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản đó và đưa TSCĐ đó vào tư thế sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ được xác định theo nguyên tắc giá phí, nghĩa là nguyên giá TSCĐ bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến việc mua hoặc xây dựng, chế tạo TSCĐ kể cả chi phí vận chuyển, lắp đặt chạy thử và các chi phí hợp lý cần thiết khác trước khi sử dụng tài sản.

Nguyên giá TSCĐ được xác định cho từng đối tượng ghi TSCĐ là từng đơn vị tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau để thực hiện một số chức năng nhất định.

❖ Với tài sản cố định hữu hình:

+ Nguyên giá TSCĐ hữu hình do mua sắm bao gồm: Giá mua (trừ các khoản được chiết khấu thương mại, giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như chi phí chuẩn bị mặt bằng, chi phí vận chuyển và bốc xếp ban đầu, chi phí lắp đặt, chạy thử (trừ (-) các khoản thu hồi về sản phẩm, phế liệu do chạy thử), chi phí chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Chi phí lãi vay phát sinh khi mua sắm TSCĐ đã hoàn thiện (TSCĐ sử dụng được ngay mà không cần qua quá trình lắp đặt, chạy thử đầu tư xây dựng) không được vốn hóa vào nguyên giá TSCĐ.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm được thanh toán theo phương thức trả chậm: Là giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại). Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo kỳ hạn thanh toán.

- Nguyên giá TSCĐ là bất động sản: Khi mua sắm bất động sản, đơn vị phải tách riêng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo quy định của pháp luật. Phần giá trị tài sản trên đất được ghi nhận là TSCĐ hữu hình; Giá trị quyền sử dụng đất được hạch toán là TSCĐ vô hình hoặc chi phí trả trước tùy từng trường hợp theo quy định của pháp luật.

+ Nguyên giá TSCĐ hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành

- Nguyên giá TSCĐ theo phương thức giao thầu: Là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Đối với tài sản cố định là con súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm, vườn cây lâu năm thì nguyên giá là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra cho con súc vật, vườn cây đó từ lúc hình thành cho tới khi đưa vào khai thác, sử dụng và các chi phí khác trực tiếp có liên quan.

- TSCĐ hữu hình tự xây dựng hoặc tự sản xuất:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình khi đưa vào sử dụng. Trường hợp TSCĐ đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp căn cứ vào chi phí đầu tư xây dựng thực tế để hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ theo giá tạm tính. Sau khi quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản được duyệt, nếu có chênh lệch so với giá trị TSCĐ đã tạm tính thì kế toán điều chỉnh tăng, giảm vào nguyên giá TSCĐ.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự sản xuất là giá thành thực tế của TSCĐ hữu hình cộng (+) các chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Trong cả hai trường hợp trên, nguyên giá TSCĐ bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử. Doanh nghiệp không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình các khoản lãi nội bộ và các khoản chi phí không hợp lý như nguyên liệu, vật liệu lãng phí, lao động hoặc các khoản chi phí khác sử dụng vượt quá mức bình thường trong quá trình tự xây dựng hoặc tự sản xuất.

+ Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác, được xác định theo giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình nhận về hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự (tài sản tương tự là tài sản có công dụng tương tự, trong cùng lĩnh vực kinh doanh và có giá trị tương đương). Trong trường hợp này không có bất kỳ khoản lãi hay lỗ nào được ghi nhận trong quá trình trao đổi. Nguyên giá TSCĐ nhận về được tính bằng giá trị còn lại của TSCĐ đem trao đổi.

+ Nguyên giá TSCĐ hữu hình được cấp, được điều chuyển đến bao gồm: Giá trị còn lại trên sổ kế toán tài sản cố định ở doanh nghiệp cấp, doanh nghiệp điều chuyển hoặc giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận hoặc tổ chức định giá chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật và các chi phí liên quan trực tiếp như vận chuyển, bốc dỡ, chi phí nâng cấp, lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ (nếu có)... mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

+ Nguyên giá tài sản cố định hữu hình nhận góp vốn, nhận lại vốn góp là giá trị do các thành viên, cổ đông sáng lập định giá nhất trí hoặc doanh nghiệp và người góp vốn thỏa thuận hoặc do tổ chức chuyên nghiệp định giá theo quy định của pháp luật và được các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận.

+ Nguyên giá tài sản cố định do phát hiện thừa, được tài trợ, biếu, tặng: Là giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận hoặc tổ chức định giá chuyên nghiệp; Các chi phí mà bên nhận phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ (nếu có).

❖ Tài sản cố định thuê tài chính

+ Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ thì giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm số thuế GTGT phải trả cho bên cho thuê.

Khi tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản, doanh nghiệp có thể sử dụng tỷ lệ lãi suất ngầm định, tỷ lệ lãi suất được ghi trong hợp đồng thuê hoặc tỷ lệ lãi suất biên đi vay của bên thuê.

+ Số thuế GTGT đầu vào của tài sản thuê tài chính không được khấu trừ được hạch toán như sau:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được thanh toán một lần ngay tại thời điểm ghi nhận tài sản thuê thì nguyên giá tài sản thuê bao gồm cả thuế GTGT;

- Nếu thuế GTGT đầu vào được thanh toán từng kỳ thì được ghi vào chi phí SXKD trong kỳ phù hợp với khoản mục chi phí khấu hao của tài sản thuê tài chính.

+ Khoản nợ thuê tài chính phản ánh trên TK 341 không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

+ Không phản ánh vào tài khoản này giá trị của TSCĐ thuê hoạt động.

❖ **Tài sản cố định vô hình:**

Nguyên giá của TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

+ Nguyên giá của TSCĐ vô hình do mua sắm trả tiền ngay, mua dưới hình thức thanh toán trả chậm, trả góp, mua dưới hình thức trao đổi, TSCĐ vô hình được cho, được biếu, tặng, nhận vốn góp liên doanh, nhận lại vốn góp, do phát hiện thừa.... được xác định tương tự TSCĐ hữu hình.

+ TSCĐ vô hình hình thành từ việc trao đổi, thanh toán bằng chứng từ liên quan đến quyền sở hữu vốn của đơn vị, thì nguyên giá TSCĐ của nó là giá trị hợp lý của các công cụ được phát hành liên quan đến quyền sở hữu vốn của đơn vị.

+ Nguyên giá TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền đã trả để có được quyền sử dụng đất hợp pháp (gồm chi phí đã trả cho tổ chức, cá nhân chuyển nhượng hoặc chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...) hoặc theo thỏa thuận của các bên khi góp vốn. Việc xác định TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất phải tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

+ Đối với chi phí thực tế phát sinh liên quan đến giai đoạn triển khai TSCĐ vô hình: Trường hợp xét thấy kết quả triển khai thỏa mãn được định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình thì các chi phí giai đoạn triển khai

được tập hợp vào TK 241 "Xây dựng cơ bản dở dang" (2412). Khi kết thúc giai đoạn triển khai các chi phí hình thành nguyên giá TSCĐ vô hình trong giai đoạn triển khai phải được kết chuyển vào bên Nợ tài khoản 2113 "TSCĐ vô hình", nếu không đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ vô hình thì toàn bộ chi phí thực tế phát sinh được kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hoặc được phân bổ theo quy định của pháp luật.

+ Chi phí phát sinh đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho doanh nghiệp gồm: chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của doanh nghiệp mới thành lập, chi phí chuyển dịch địa điểm được ghi nhận là chi phí SXKD trong kỳ theo quy định hiện hành.

+ Chi phí liên quan đến tài sản vô hình đã được doanh nghiệp ghi nhận là chi phí để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trước đó thì không được tái ghi nhận vào nguyên giá TSCĐ vô hình.

+ Các nhãn hiệu, tên thương mại, quyền phát hành, danh sách khách hàng và các khoản mục tương tự được hình thành trong nội bộ doanh nghiệp không được ghi nhận là TSCĐ vô hình.

b) Giá trị còn lại:

Trong quá trình sử dụng TSCĐ, giá trị của nó bị hao mòn dần và được tính vào chi phí SXKD trong kỳ, do đó giá trị của TSCĐ sẽ bị giảm dần. Vì vậy, yêu cầu quản lý và sử dụng đặt ra là cần xác định giá trị còn lại của TSCĐ để từ đó đánh giá được năng lực sản xuất thực của TSCĐ trong doanh nghiệp.

$$\text{Giá trị còn lại} = \text{Nguyên giá TSCĐ} - \text{Hao mòn lũy kế}$$

Thông thường giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đánh giá lại được điều chỉnh theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại của TSCĐ} \\ \text{sau khi đánh giá lại} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại} \\ \text{TSCĐ trước} \\ \text{khi đánh giá} \\ \text{lại} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{NG TSCĐ sau khi đánh} \\ \text{giá lại} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{NG TSCĐ trước khi} \\ \text{đánh giá lại} \end{array}}$$

Đánh giá TSCĐ theo giá trị còn lại giúp doanh nghiệp xác định được số vốn chưa thu hồi của TSCĐ, biết được hiện trạng của TSCĐ là cũ hay mới để có phương hướng đầu tư và có biện pháp để bảo toàn được vốn cố định.

1.1.4 Nguyên tắc quản lý và nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.1.4.1 Nguyên tắc quản lý TSCĐ trong doanh nghiệp

+ Mọi TSCĐ trong doanh nghiệp phải có bộ hồ sơ riêng. Mỗi TSCĐ phải được phân loại, đánh số và có thẻ riêng, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng ghi TSCĐ và được phản ánh trong sổ theo dõi TSCĐ.

+ Mỗi TSCĐ phải được quản lý theo nguyên giá, số hao mòn lũy kế và giá trị còn lại trên sổ sách kế toán:

$$\begin{array}{rcl} \text{Giá trị còn lại trên sổ} & & \text{Nguyên giá của} \\ \text{kế toán của TSCĐ} & = & \text{TSCĐ} \\ & & - \text{Số hao mòn lũy} \\ & & \text{kế của TSCĐ} \end{array}$$

+ Đối với những TSCĐ không cần dùng, chờ thanh lý nhưng chưa hết khấu hao, doanh nghiệp phải thực hiện quản lý, theo dõi, bảo quản theo quy định hiện hành và trích khấu hao theo quy định tại Thông tư 133.

+ Doanh nghiệp phải thực hiện việc quản lý đối với những TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn tham gia vào HĐKD như những TSCĐ thông thường.

1.1.4.2 Nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định

- Tổ chức ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ số hiện có và hình hình tăng, giảm TSCĐ của toàn doanh nghiệp cũng như của từng bộ phận trên các mặt số lượng, cơ cấu, giá trị, đồng thời kiểm soát chặt chẽ việc bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng TSCĐ ở các bộ phận khác nhau nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng TSCĐ.

- Tính toán chính xác, kịp thời số khấu hao TSCĐ, đồng thời phân bổ đúng đắn chi phí khấu hao vào các đối tượng sử dụng TSCĐ.

- Phản ánh và kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí sửa chữa TSCĐ. Tham gia lập dự toán về chi phí sửa chữa và đôn đốc đưa TSCĐ được sửa chữa vào sử dụng một cách nhanh chóng.

- Theo dõi, ghi chép, kiểm tra chặt chẽ quá trình thanh lý, nhượng bán TSCĐ nhằm bảo đảm việc quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích.

- Lập các báo cáo về TSCĐ, tham gia phân tích tình hình trang bị, sử dụng, bảo quản các TSCĐ.

1.2 Nội dung công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.2.1 Kế toán chi tiết tài sản cố định trong doanh nghiệp

Kế toán chi tiết tài sản cố định được thực hiện cho từng tài sản cố định, từng nhóm tài sản cố định theo nơi sử dụng tài sản cố định. Yêu cầu quản lý tài sản cố định của doanh nghiệp đòi hỏi phải có kế toán chi tiết tài sản cố định. Đây là khâu quan trọng và phức tạp nhất trong toàn bộ công tác kế toán tài sản cố định. Thông qua kế toán chi tiết tài sản cố định, kế toán sẽ cũng cấp những chỉ tiêu quan trọng về cơ cấu tài sản cố định, tình hình phân bổ tài sản cố định theo địa điểm sử dụng cũng như tình hình bảo quản và sử dụng tài sản cố định. Phân bổ chính xác tài sản cố định, nâng cao trách nhiệm vật chất trong bảo quản và sử dụng tài sản cố định. Nội dung chính của kế toán chi tiết tài sản cố định bao gồm:

- Lập và thu thập các chứng từ ban đầu liên quan đến tài sản cố định trong doanh nghiệp: Hóa đơn GTGT, Biên bản giao nhận tài sản cố định, Biên bản thanh lý tài sản cố định, Biên bản đánh giá lại tài sản cố định,...

- Tổ chức kế toán chi tiết tài sản cố định ở bộ phận kế toán: Kế toán chi tiết tài sản cố định được thực hiện ở thẻ tài sản cố định. Thẻ tài sản cố định do phòng kế toán lập khi tài sản cố định bắt đầu xuất hiện tại doanh nghiệp. Thẻ được lập cho từng loại tài sản cố định và được lưu ở phòng kế toán. Căn cứ lập thẻ tài sản cố định gồm: bộ hồ sơ tài sản cố định, biên bản giao nhận tài sản cố định, biên bản đánh giá lại tài sản cố định, biên bản thanh lý tài sản cố định,...

- Tổ chức kế toán chi tiết tài sản cố định ở các đơn vị, bộ phận quản lý sử dụng: Để theo dõi địa điểm đặt tài sản cố định, tình hình tăng giảm tài sản cố định do từng đơn vị, bộ phận phân xưởng hoặc phòng ban mỗi đơn vị sử dụng phải mở một sổ riêng – Sổ tài sản cố định trong đó ghi tài sản cố định tăng, giảm

của đơn vị mình theo từng chứng từ, tăng, giảm tài sản cố định theo trình tự thời gian phát sinh. Căn cứ để ghi sổ là các chứng từ tăng, giảm tài sản cố định.

1.2.2 Kế toán tổng hợp tăng, giảm tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

Những chứng từ mà doanh nghiệp sử dụng trong hạch toán tài sản cố định gồm:

- Biên bản giao nhận tài sản cố định
- Biên bản thanh lý tài sản cố định
- Biên bản đánh giá lại tài sản cố định
- Các chứng từ liên quan khác:
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- + Các hợp đồng, hóa đơn mua- bán, các chứng từ, tài liệu kỹ thuật có liên quan khác, các hồ sơ đầu tư tài sản cố định (nếu có)...

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 211: “Tài sản cố định”

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm toàn bộ tài sản cố định của doanh nghiệp theo nguyên giá,

Bên Nợ:

- Nguyên giá của tài sản cố định tăng do mua sắm, do trao đổi tài sản cố định, do XDCB hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, do các đơn vị tham gia liên doanh góp vốn, do được tặng biếu, viện trợ...

- Điều chỉnh tăng nguyên giá của tài sản cố định do xây lắp, trang bị thêm hoặc do cải tạo nâng cấp, do đánh giá lại.

Bên Có:

- Nguyên giá của tài sản cố định giảm do điều chuyển cho đơn vị khác, do đem đi trao đổi để lấy tài sản cố định, do nhượng bán, thanh lý hoặc đem đi góp vốn vào đơn vị khác ...

- Nguyên giá của tài sản cố định giảm do tháo bớt một hoặc một số bộ phận do đánh giá lại giảm nguyên giá.

Số dư bên Nợ:

Nguyên giá TSCĐ hiện có cuối kỳ ở doanh nghiệp.

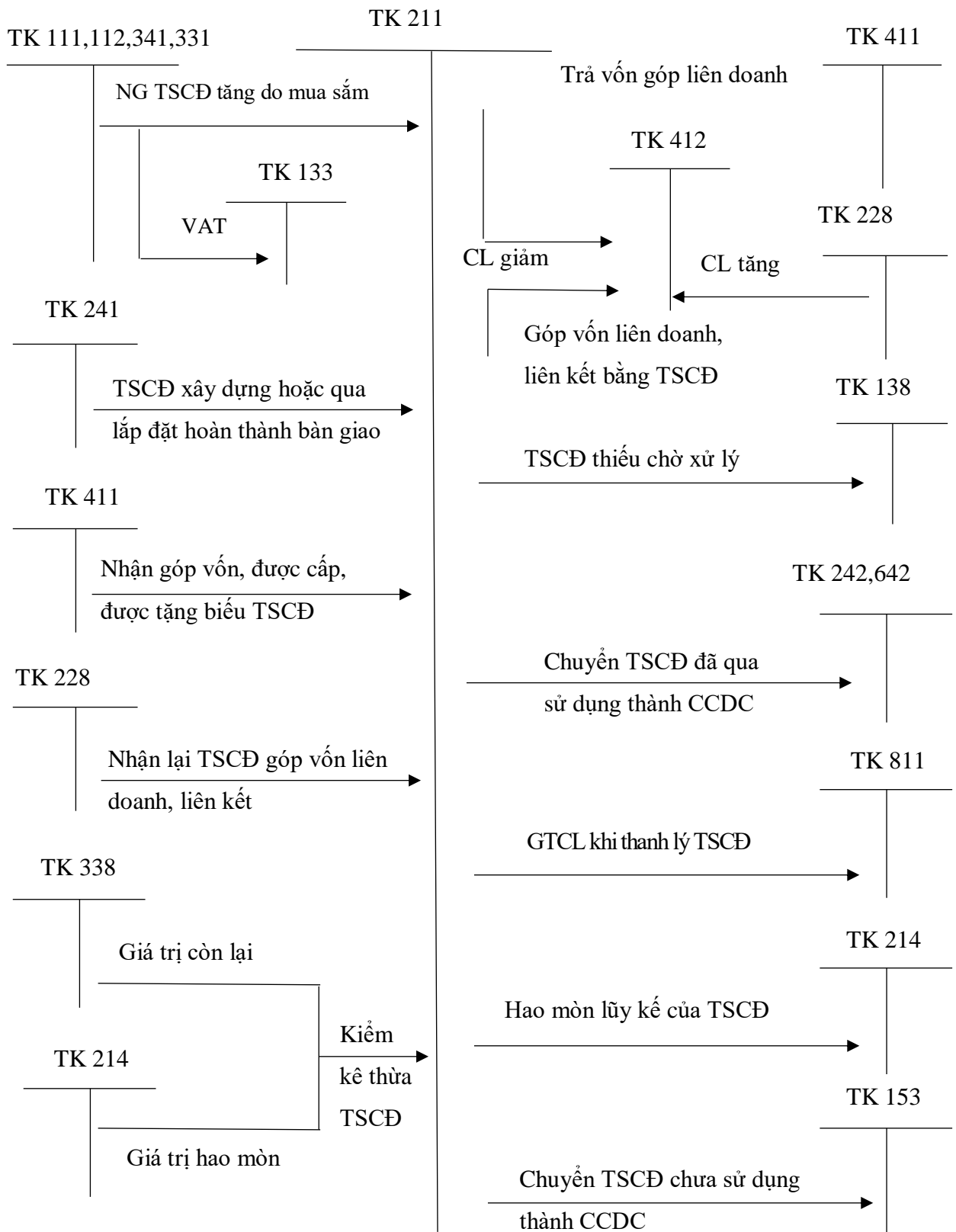
Tài khoản 211 - Tài sản cố định có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 2111 - TSCĐ hữu hình:* Dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của toàn bộ TSCĐ hữu hình thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp theo nguyên giá.

- *Tài khoản 2112 - TSCĐ thuê tài chính:* Dùng để phản ánh nguyên giá TSCĐ doanh nghiệp đi thuê dài hạn theo phương thức thuê tài chính.

- *Tài khoản 2113 - TSCĐ vô hình:* Dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của toàn bộ TSCĐ vô hình thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp theo nguyên giá.

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán tài sản cố định



Sơ đồ 1.1: Phương pháp hạch toán tăng, giảm TSCĐ hữu hình, vô hình

1.3. Kế toán khấu hao tài sản cố định

1.3.1. Nguyên tắc khấu hao tài sản cố định

+ Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình tăng, giảm giá trị hao mòn và giá trị hao mòn lũy kế của các loại TSCĐ và bất động sản đầu tư (BĐSDT) trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ, BĐSĐT.

+ Về nguyên tắc, mọi TSCĐ, BĐSĐT dùng để cho thuê của doanh nghiệp có liên quan đến sản xuất, kinh doanh (gồm cả tài sản chưa dùng, không cần dùng, chờ thanh lý) đều phải trích khấu hao theo quy định hiện hành. Khấu hao TSCĐ dùng trong sản xuất, kinh doanh và khấu hao BĐSĐT được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ; khấu hao TSCĐ, BĐSĐT chưa dùng, không cần dùng, chờ thanh lý thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Đối với TSCĐ dùng cho mục đích phúc lợi thì không phải trích khấu hao tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh mà chỉ tính hao mòn TSCĐ và hạch toán giảm nguồn hình thành TSCĐ đó.

+ Căn cứ vào quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp để lựa chọn 1 trong các phương pháp tính, trích khấu hao theo quy định của pháp luật phù hợp cho từng TSCĐ, BĐSĐT nhằm kích thích sự phát triển sản xuất, kinh doanh, đảm bảo việc thu hồi vốn nhanh, đầy đủ và phù hợp với khả năng trang trải chi phí của doanh nghiệp.

Phương pháp khấu hao được áp dụng cho từng TSCĐ, BĐSĐT phải được thực hiện nhất quán và có thể được thay đổi khi có sự thay đổi đáng kể cách thức thu hồi lợi ích kinh tế của TSCĐ và BĐSĐT.

+ Thời gian khấu hao và phương pháp khấu hao TSCĐ phải được xem xét lại ít nhất là vào cuối mỗi năm tài chính. Nếu thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản khác biệt lớn so với các ước tính trước đó thì thời gian khấu hao phải được thay đổi tương ứng. Phương pháp khấu hao TSCĐ được thay đổi khi có sự thay đổi đáng kể cách thức ước tính thu hồi lợi ích kinh tế của TSCĐ. Trường

hợp này, phải điều chỉnh chi phí khấu hao cho năm hiện hành, các năm tiếp theo và phải thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

+ Đối với các TSCĐ đã khấu hao hết (đã thu hồi đủ vốn) nhưng vẫn còn sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh thì không được tiếp tục trích khấu hao. Các TSCĐ chưa tính đủ khấu hao (chưa thu hồi đủ vốn) mà đã hư hỏng, cần thanh lý thì phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý bồi thường và phân giá trị còn lại của TSCĐ chưa thu hồi, không được bồi thường phải được bù đắp bằng số thu do thanh lý của chính TSCĐ đó, số tiền bồi thường do lãnh đạo doanh nghiệp quyết định. Nếu số thu thanh lý và số thu bồi thường không đủ bù đắp phần giá trị còn lại của TSCĐ chưa thu hồi, hoặc giá trị TSCĐ bị mất thì chênh lệch còn lại được coi là lỗ về thanh lý TSCĐ và kế toán vào chi phí khác.

+ Đối với TSCĐ vô hình, phải tùy thời gian phát huy hiệu quả để trích khấu hao tính từ khi TSCĐ được đưa vào sử dụng (theo hợp đồng, cam kết hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền).

+ Đối với TSCĐ thuê tài chính, trong quá trình sử dụng bên đi thuê phải trích khấu hao trong thời gian thuê theo hợp đồng tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

+ Đối với BĐSĐT cho thuê hoạt động phải trích khấu hao và ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ. Doanh nghiệp có thể dựa vào các BĐS chủ sở hữu sử dụng (TSCĐ) cùng loại để ước tính thời gian trích khấu hao và xác định phương pháp khấu hao BĐSĐT. Trường hợp BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá, doanh nghiệp không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT tăng giá trở lại thì doanh nghiệp được điều chỉnh tăng nguyên giá BĐSĐT nhưng tối đa không vượt quá nguyên giá ban đầu của BĐSĐT.

1.3.2. Xác định thời gian trích khấu hao của tài sản cố định

❖ Đối với tài sản cố định hữu hình:

- Đối với tài sản cố định còn mới (chưa qua sử dụng), doanh nghiệp phải căn cứ vào khung thời gian sử dụng tài sản cố định được quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC để xác định thời gian sử dụng của tài sản cố định.

- Đối với tài sản cố định đã qua sử dụng, thời gian sử dụng của tài sản cố định được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Thời gian} \\ \text{trích khấu hao} \\ \text{của tài sản cố} \\ \text{định} \end{array} = \frac{\text{Giá trị hợp lý của tài sản} \\ \text{cố định}}{\text{Giá bán của TSCĐ cùng} \\ \text{loại mới 100\% (hoặc tương} \\ \text{đương trên thị trường)}} \times \begin{array}{l} \text{Thời gian trích khấu} \\ \text{hao của TSCĐ mới} \\ \text{cùng loại xác định} \\ \text{theo Thông tư 45} \end{array}$$

Trong đó:

Giá trị hợp lý của tài sản cố định là giá mua hoặc trao đổi thực tế (trong trường hợp mua bán, trao đổi), giá trị còn lại của tài sản cố định hoặc giá trị theo đánh giá của tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá (trong trường hợp được cho, được biếu, được tặng, được cấp, được điều chuyển đến) và các trường hợp khác.

❖ *Đối với tài sản cố định vô hình:*

Doanh nghiệp tự xác định thời gian sử dụng tài sản cố định vô hình nhưng tối đa không quá 20 năm.

Đối với tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn, thời gian sử dụng là thời hạn được phép sử dụng đất theo quy định.

Đối với tài sản cố định vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ, quyền đối với giống cây trồng, thì thời gian sử dụng là thời hạn bảo hộ được ghi trên văn bằng bảo hộ theo quy định.

1.3.3. Các phương pháp trích khấu hao tài sản cố định

a. Phương pháp khấu hao đường thẳng

Là phương pháp khấu hao theo mức tính ổn định từng năm vào chi phí sản xuất kinh doanh của từng tài sản cố định tham gia vào hoạt động kinh doanh.

- Xác định mức trích khấu hao bình quân hàng năm cho tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Năm sử dụng}}$$

- Xác định mức trích khấu hao bình quân hàng tháng cho tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích khấu hao cả năm}}{12 \text{ tháng}}$$

b. Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh

Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh được áp dụng đối với doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực công nghệ đòi hỏi phải thay đổi, thời gian hoàn vốn nhanh.

TSCĐ tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) được trích khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh phải đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau: là TSCĐ đầu tư mới (chưa qua sử dụng); là các loại máy móc, thiết bị, dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm.

Nội dung của phương pháp:

- Xác định thời gian khấu hao của TSCĐ: Doanh nghiệp xác định thời gian khấu hao của TSCĐ theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC.
- Xác định mức khấu hao năm của TSCĐ trong các năm đầu theo công thức:

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ}}{\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh}}$$

Trong đó:

Tỷ lệ khấu hao nhanh xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh (\%)} = \frac{\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng}}{\text{Hệ số điều chỉnh}}$$

Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo PP đường thẳng} = \frac{1}{\text{Thời gian trích khấu hao của TSCĐ}} \times 100$$

Hệ số điều chỉnh xác định theo thời gian trích khấu hao như sau:

Thời gian trích khấu hao của TSCĐ	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm ($t \leq 4$ năm)	1,5
Trên 4 đến 6 năm ($4 \text{ năm} < t \leq 6 \text{ năm}$)	2,0
Trên 6 năm ($t > 6 \text{ năm}$)	2,5

- Mức trích khấu hao hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

Lưu ý: Những năm cuối, khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần bằng (hoặc thấp hơn) mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của TSCĐ, thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại của TSCĐ chia cho số năm sử dụng còn lại của TSCĐ.

c. Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm

TSCĐ tham gia vào hoạt động SXKD được trích khấu hao theo phương pháp này là các loại máy móc thiết bị thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Trực tiếp tham gia đến việc sản xuất sản phẩm;
- Xác định được tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của TSCĐ;
- Công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 100% công suất thiết kế.

Nội dung của phương pháp:

TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm sau:

- Căn cứ vào hồ sơ kinh tế- kỹ thuật của TSCĐ, doanh nghiệp xác định tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của TSCĐ, gọi tắt là sản lượng theo công suất thiết kế.
- Căn cứ tình hình thực tế sản xuất, doanh nghiệp xác định số lượng, khối lượng sản phẩm thực tế sản xuất hàng tháng, hàng năm của TSCĐ.
- Xác định mức trích khấu hao trong tháng của TSCĐ theo công thức:

$$\begin{array}{ccc} \text{Mức trích khấu hao} & & \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{trong tháng của} & = & \text{sản xuất trong} \\ \text{TSCĐ} & & \text{tháng} \end{array} \quad \times \quad \begin{array}{c} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{bình quân tính cho một} \\ \text{đơn vị sản phẩm} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{c} \text{Mức trích khấu hao bình quân} \\ \text{tính cho một đơn vị sản phẩm} \end{array} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

- Mức trích khấu hao năm của TSCĐ bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm, hoặc tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccc} \text{Mức trích khấu} & & \text{Sản lượng sản phẩm} \\ \text{hao năm TSCĐ} & = & \text{sản xuất năm} \end{array} \quad \times \quad \begin{array}{c} \text{Mức trích khấu hao bình} \\ \text{quân 1 đơn vị sản phẩm} \end{array}$$

Trường hợp công suất thiết kế hoặc nguyên giá của TSCĐ thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao của TSCĐ.

1.3.4. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng: Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 214 – Hao mòn TSCĐ

Tài khoản này phản ánh tình hình tăng, giảm giá trị hao mòn và giá trị hao mòn lũy kế của các loại TSCĐ và bất động sản (BĐS) đầu tư trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ, BĐS đầu tư và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ, BĐS đầu tư.

* *Kết cấu và nội dung phản ánh TK 214:*

Bên Nợ: Giá trị hao mòn TSCĐ, BĐSĐT giảm do TSCĐ, BĐSĐT thanh lý, nhượng bán, điều động cho đơn vị hạch toán phụ thuộc, góp vốn đầu tư vào đơn vị khác,...

Bên Có: Giá trị hao mòn TSCĐ, BĐSĐT tăng do trích khấu hao TSCĐ, BĐSĐT,...

Số dư bên Có: Giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ, BĐSĐT hiện có cuối kỳ ở doanh nghiệp.

Tài khoản 214 - Hao mòn TSCĐ, có 4 tài khoản cấp 2:

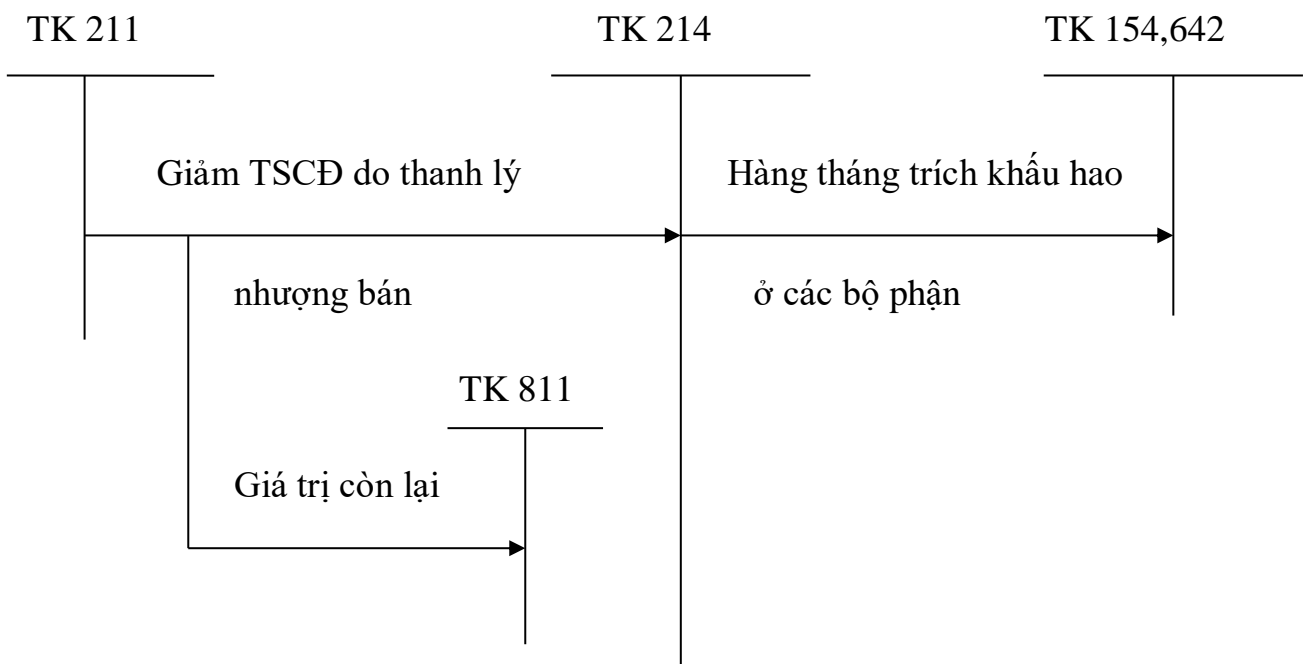
- Tài khoản 2141 - Hao mòn TSCĐ hữu hình: Phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ hữu hình trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ hữu hình.

- Tài khoản 2142 - Hao mòn TSCĐ thuê tài chính: Phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ thuê tài chính trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ thuê tài chính và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ thuê tài chính.

- Tài khoản 2143 - Hao mòn TSCĐ vô hình: Phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ vô hình trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ vô hình và những khoản làm tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ vô hình.

- Tài khoản 2147 - Hao mòn BĐSĐT: Tài khoản này phản ánh giá trị hao mòn BĐSĐT trong quá trình cho thuê hoạt động và những khoản làm tăng, giảm hao mòn khác của BĐSĐT.

1.3.5. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.2: Kế toán khấu hao TSCĐ

1.4. Kế toán sửa chữa tài sản cố định

Sửa chữa TSCĐ là việc bảo dưỡng, sửa chữa TSCĐ bị hỏng trong quá trình hoạt động kinh doanh nhằm khôi phục lại năng lực hoạt động bình thường của TSCĐ đó. Cách thức tiến hành sửa chữa TSCĐ có thể là do doanh nghiệp

tự làm hoặc do doanh nghiệp thuê ngoài. Những chi phí mà DN bỏ ra để sửa chữa TSCĐ gọi là chi phí sửa chữa TSCĐ.

1.4.1 Kế toán sửa chữa thường xuyên tài sản cố định

Sửa chữa thường xuyên TSCĐ là hình thức sửa chữa mang tính bảo dưỡng thường xuyên, có thời gian sửa chữa ngắn, chi phí sửa chữa phát sinh thường có giá trị nhỏ.

Khối lượng công việc không nhiều, vì vậy chi phí sửa chữa phát sinh thường được tính thẳng vào chi phí SXKD trong kỳ (nếu sửa chữa cho TSCĐ phục vụ cho hoạt động phúc lợi thì hạch toán thẳng vào TK 353).

❖ Chứng từ sử dụng:

Hóa đơn GTGT sửa chữa, biên lai thu phí và các chứng từ khác liên quan như: phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, phiếu quyết toán sửa chữa chung,...

❖ Tài khoản sử dụng:

Các tài khoản chi phí: TK 154, 642,...và các TK liên quan: TK 133, 111,112,331,...

❖ Phương pháp hạch toán:

Khi phát sinh chi phí này, kế toán phản ánh ngay vào chi phí của từng bộ phận sử dụng tài khoản đó:

Nợ TK 154, 642,...

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111,112,331,...

1.4.2 Kế toán sửa chữa lớn tài sản cố định

Sửa chữa lớn là loại sửa chữa có các đặc điểm, mức độ hư hỏng nặng nên kỹ thuật sửa chữa phức tạp, công việc sửa chữa có thể do doanh nghiệp tự thực hiện hoặc thuê ngoài, thời gian sửa chữa kéo dài và TSCĐ phải ngừng hoạt động, chi phí phát sinh lớn nên không thể tính hết một lần vào chi phí của đối tượng sử dụng phương pháp phân bổ thích ứng.

❖ Chứng từ sử dụng:

Các chứng từ kế toán để phản ánh việc sửa chữa lớn hoàn thành là Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành. Đây là chứng từ xác nhận việc

giao nhận TSCĐ sau khi hoàn thành việc sửa chữa lớn giữa bên có TSCĐ và bên thực hiện việc sửa chữa.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 241 (2413): Sửa chữa lớn TSCĐ; TK 242: Chi phí trả trước và các tài khoản liên quan: TK 111,112,...

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Công tác sửa chữa lớn tài sản cố định của doanh nghiệp có thể tiến hành theo phương thức tự làm hoặc giao thầu:

- *Theo phương thức tự làm:* Khi chi phí sửa chữa lớn phát sinh, căn cứ chứng từ phát sinh chi phí để hạch toán:

+ Nếu sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 241- XDCB dở dang

Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111,112, 152,...

+ Nếu sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, ghi:

Nợ TK 241- XDCB dở dang (tổng giá thanh toán)

Có TK 111,112,.... (tổng giá thanh toán)

Khi công trình sửa chữa lớn đã hoàn thành, kế toán phải tính giá thực tế của từng công trình sửa chữa lớn để quyết toán số chi phí này theo các trường hợp sau:

+ Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị nhỏ được hạch toán toàn bộ vào chi phí trong kỳ:

Nợ TK 154, 642

Có TK 241- XDCB dở dang (2413)

+ Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất, kinh doanh, khi công việc sửa chữa lớn TSCĐ hoàn thành,

tiền hành kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước hoặc chi phí phải trả về sửa chữa lớn TSCĐ:

Nợ TK 242- Chi phí trả trước

Nợ TK 335- Chi phí phải trả

Có TK 241-XDCB dở dang (2143)

+ Trường hợp sửa chữa lớn hoặc cải tạo, nâng cấp thỏa mãn điều kiện ghi tăng nguyên giá TSCĐ, ghi:

Nợ TK 211- TSCĐ hữu hình

Có TK 241- XDCB dở dang (2413)

• Theo phương thức giao thầu:

Khi nhận khối lượng sửa chữa lớn do bên nhận thầu bàn giao, ghi:

Nợ TK 241- XDCB dở dang (2413)

Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331- Phải trả cho người bán.

Có TK 111, 112 – Khoản đã thanh toán

1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

Theo thông tư 133/2014/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành, doanh nghiệp có thể tự thiết kế các chứng từ, sổ sách kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý của đơn vị nhưng đảm bảo cung cấp những thông tin theo quy định của Luật kế toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Nếu doanh nghiệp không tự thiết kế được thì có thể vận dụng hệ thống sổ sách theo 4 hình thức kế toán sau:

- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Việc áp dụng hình thức kế toán này hay hình thức kế toán khác là tùy thuộc vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh và trình độ quản lý của các doanh nghiệp và quy định về đối tượng mà đơn vị kế toán lựa chọn cho phù hợp.

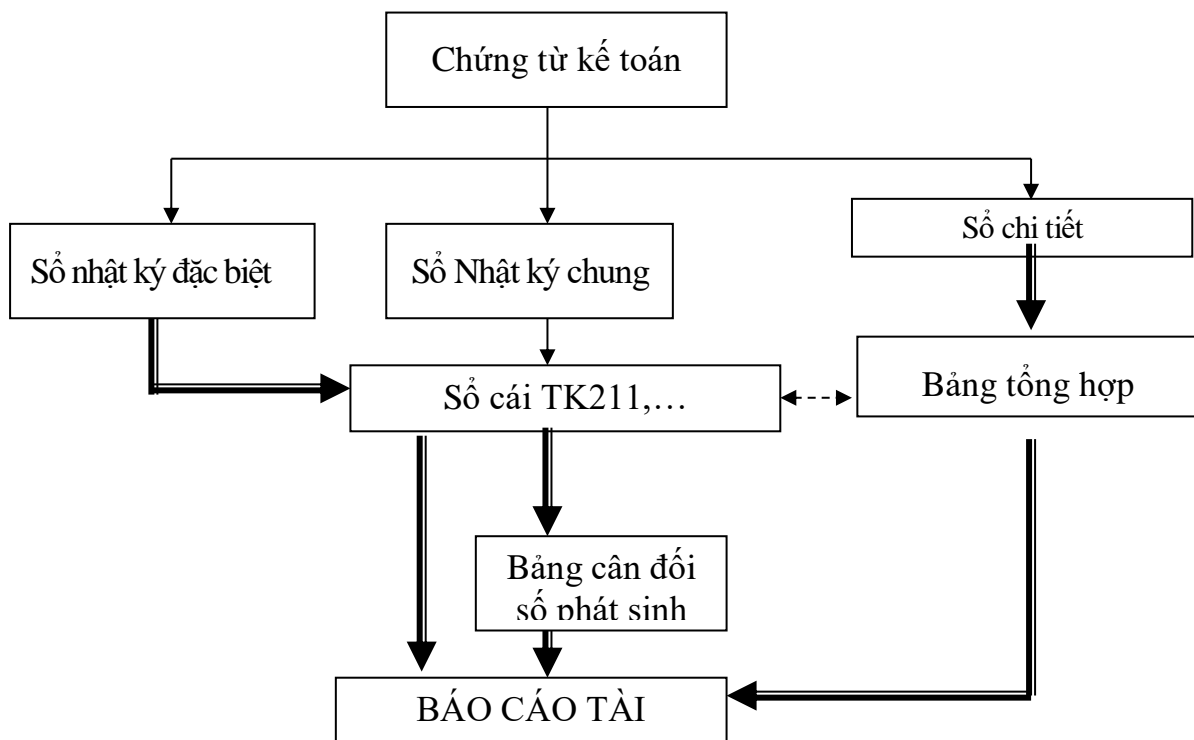
1.5.2. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Nhật ký chung

Theo hình thức sổ này tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian được phản ánh vào sổ Nhật ký chung, sau đó số liệu từ Nhật ký chung sẽ được dùng để vào sổ cái.

Ngoài Nhật ký chung để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian người ta còn có thể mở thêm sổ nhật ký đặc biệt để phản ánh các đối tượng có số lượng nghiệp vụ phát sinh lớn, thường xuyên nhằm giảm bớt khối lượng

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 ==> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 <-.-.-.-> Đối chiếu

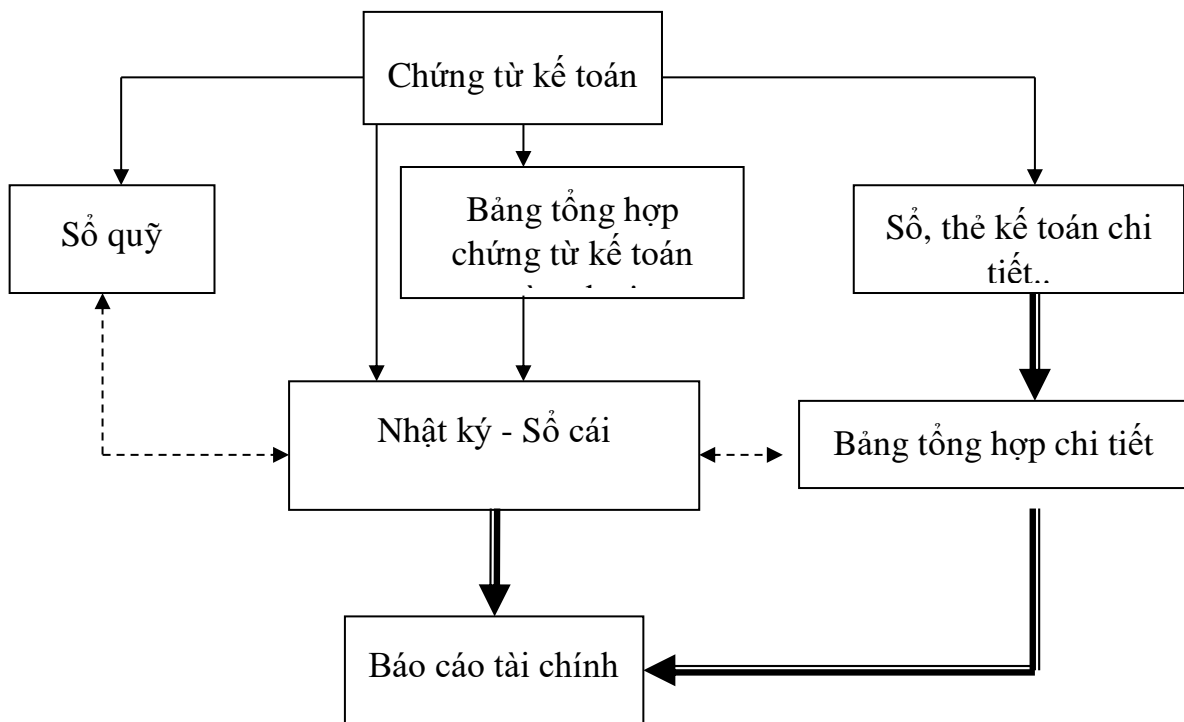
Sơ đồ 1.3 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tài sản cố định theo hình thức kế toán Nhật ký chung

1.5.3. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

Theo hình thức sổ này thì toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian được phản ánh trên cùng một vài trang sổ Nhật ký - Sổ cái. Đây là sổ tổng hợp duy nhất. Toàn bộ các nghiệp vụ tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được phản ánh trên Nhật ký sổ cái. Mỗi một chứng từ sẽ được phản ánh một dòng trên Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - >< Đối chiếu

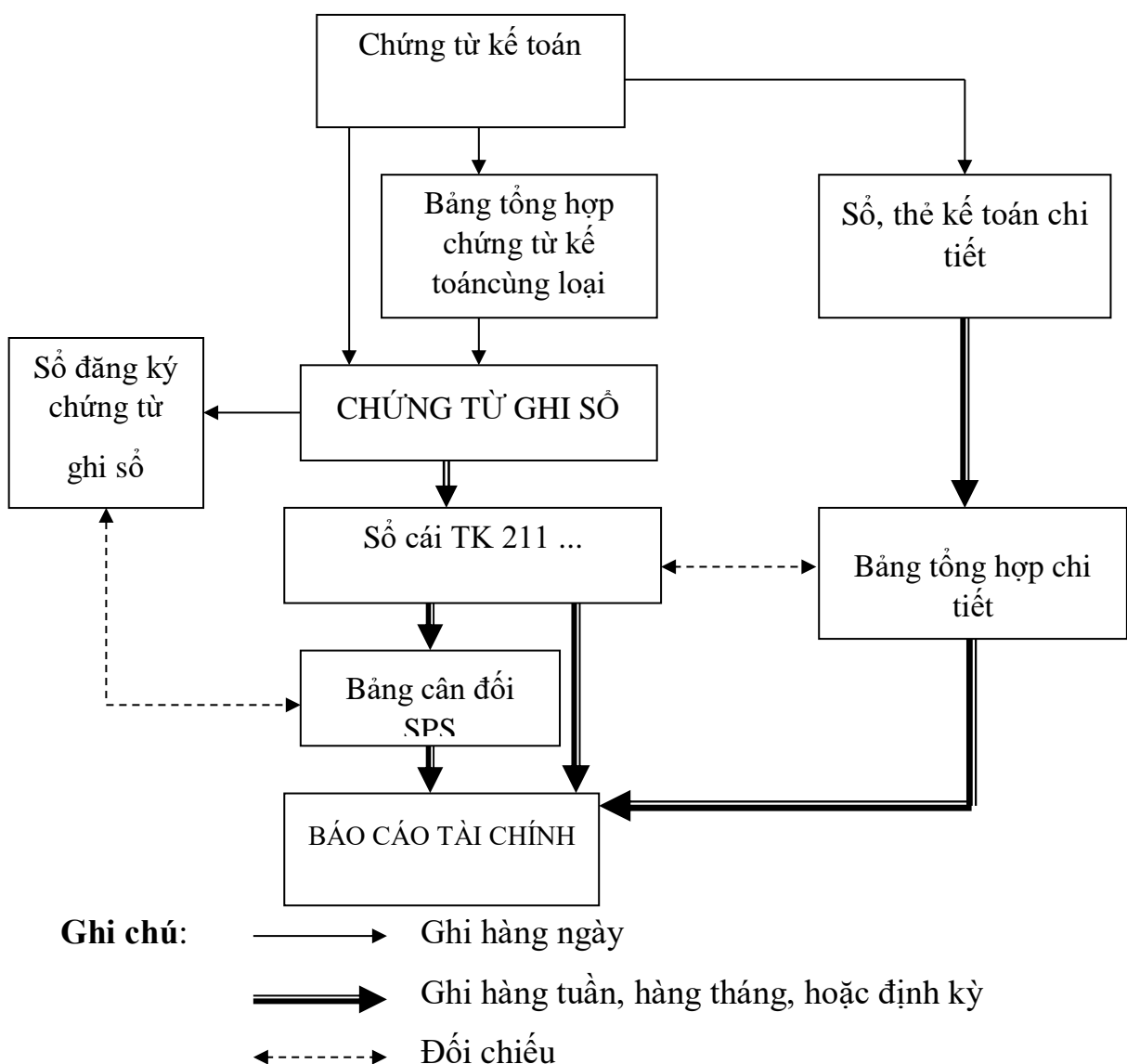
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tài sản cố định theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái

1.5.4. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Hình thức này phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn với mọi trình độ quản lý và trình độ kế toán, phù hợp với cả kế toán thủ công và kế toán máy.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

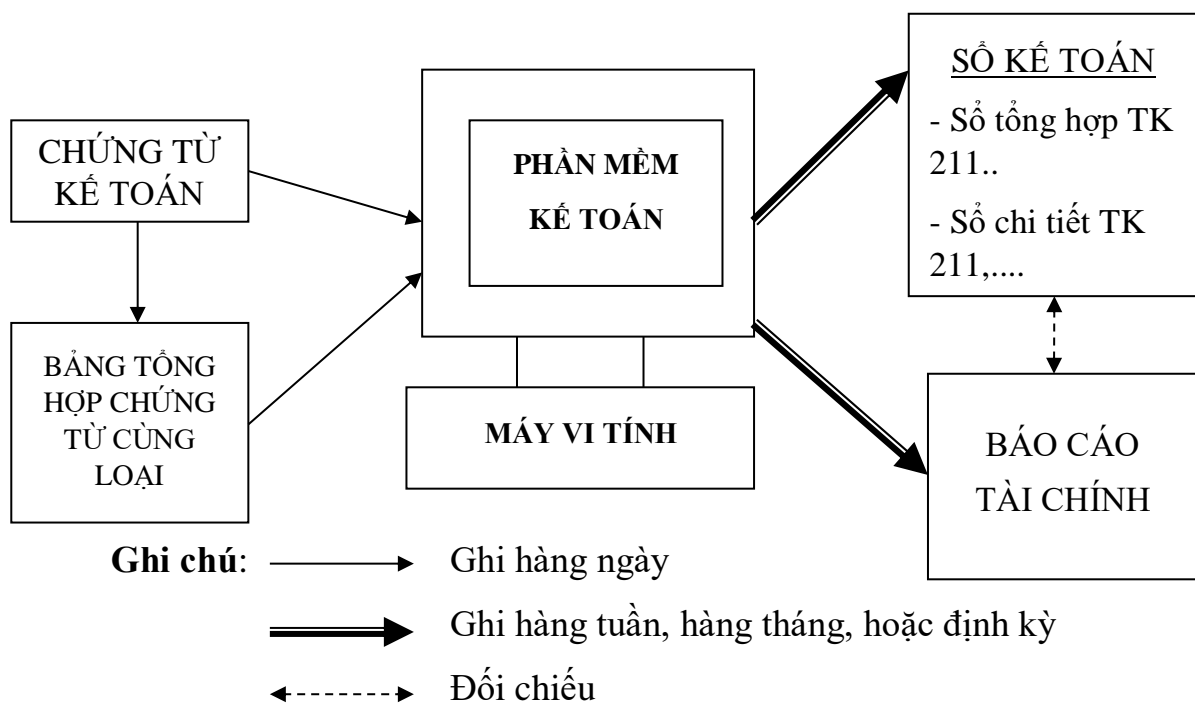
Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ sách chủ yếu sau: Chứng từ ghi sổ; Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tài sản cố định theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.5.5. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tài sản cố định theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CÔ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MỸ TÍN

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.

Tên gọi của công ty: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Mỹ Tín

Tên quốc tế: MY TIN TRADING AND PRODUCTION COMPANY LIMITED

Địa chỉ: Tổ dân phố An Tràng (tại nhà bà Phạm Thị Hương), Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng

Đại diện bà: Phạm Thị Hương

Mã số thuế: 0201239163

Điện thoại: 02253.762.888

Fax: 02253.762.888

Công ty TNHH sản xuất và thương mại Mỹ Tín được thành lập ngày 24/06/2012. Trong những ngày mới thành lập Công ty chuyên đi vào gia công các sản phẩm Inox như các loại cửa, hàng rào... theo yêu cầu của khách hàng. Nhận thức được nhu cầu về các sản phẩm Inox ngày càng tăng Công ty đã mở rộng sang kinh doanh thương mại các sản phẩm về Inox, đặc biệt là Inox 304.

Với bề dày kinh nghiệm hơn 6 năm phát triển trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm kim khí và kinh doanh thương mại cùng lực lượng cán bộ trình độ cao, công nhân kỹ thuật lành nghề. Luôn đảm bảo chất lượng và tiến độ các sản phẩm.

Công ty không ngừng nâng cao vai trò trách nhiệm của đội ngũ lãnh đạo, phát triển nguồn nhân lực, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, công nghệ để nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường. Từng bước công ty đã tạo được vị thế nhất định trong lĩnh vực kinh doanh của mình, được khách hàng tin tưởng.

Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động:

Trong quá trình hoạt động công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn

- **Thuận lợi:**

+ Đội ngũ nhân viên trẻ đầy nhiệt huyết, có năng lực, có ý thức trách nhiệm, năng động, sáng tạo và luôn nỗ lực hết mình với công việc.

+ Văn phòng được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của của công ty.

+ Môi trường làm việc chuyên nghiệp khi các phòng ban được phân công rõ ràng và nhất quán.

- **Khó khăn:**

Thị trường tiêu thụ bị cạnh tranh vì càng ngày càng có nhiều đối thủ không ngừng chiếm lĩnh lấy thị trường này.

2.1.2.Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín kinh doanh các loại mặt hàng sau:

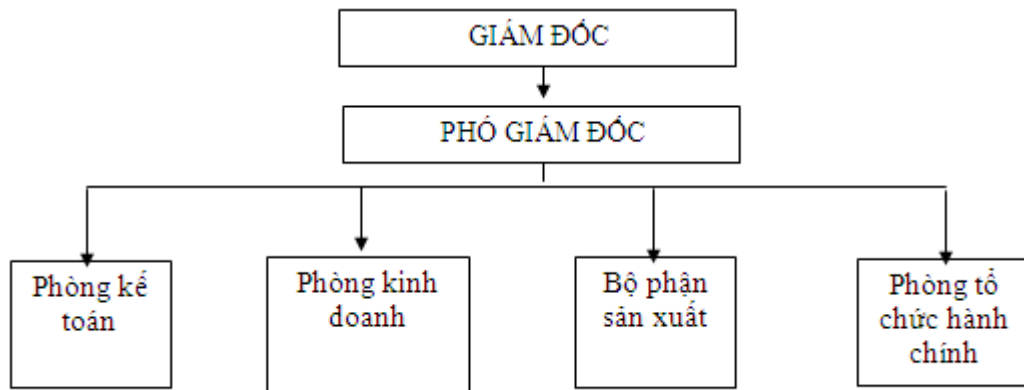
Mã ngành	Mô tả	Ngành chính
<u>25920</u>	<u>Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại</u>	N
<u>2220</u>	<u>Sản xuất sản phẩm từ plastic</u>	Y
<u>32900</u>	<u>Sản xuất khác chưa được phân vào đâu</u>	N
<u>4535</u>	<u>Kinh doanh các sản phẩm Inox</u>	N
<u>3830</u>	<u>Tái chế phế liệu</u>	N
<u>4530</u>	<u>Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác</u>	N
<u>4620</u>	<u>Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); và động vật sống</u>	N

Mã ngành	Mô tả	Ngành chính
<u>4641</u>	<u>Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép</u>	N
<u>4649</u>	<u>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</u>	N
<u>4662</u>	<u>Bán buôn kim loại và quặng kim loại</u>	N
<u>4669</u>	<u>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</u>	N
<u>4933</u>	<u>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ</u>	N
<u>5229</u>	<u>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</u>	N
<u>82990</u>	<u>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</u>	N
<u>15120</u>	<u>Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm</u>	N
<u>15200</u>	<u>Sản xuất giày dép</u>	N
<u>17010</u>	<u>Sản xuất bột giấy, giấy và bìa</u>	N
<u>1702</u>	<u>Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa</u>	N
<u>18110</u>	<u>In ấn</u>	N
<u>18120</u>	<u>Dịch vụ liên quan đến in</u>	N
<u>2013</u>	<u>Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh</u>	N

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.

Để phù hợp với quy mô của Công ty, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín đã áp dụng hình thức tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức trực tuyến chức năng. Bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng và thực hiện theo chế độ một thủ trưởng. Các phòng ban chức năng và các phân xưởng sản xuất có

trách nhiệm và quyền hạn trong phạm vi của mình. Sau đây là sơ đồ về bộ máy quản lý của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

- Giám đốc:

là người có quyền hành cao nhất trong công ty. Giám đốc chỉ đạo mọi hoạt động kinh doanh kinh doanh của toàn công ty, từ việc xây dựng chiến lược, tổ chức thực hiện đến việc kiểm tra, đánh giá điều chỉnh và lựa chọn các phương án và huy động

- Phó Giám đốc:

Quản lý mọi vấn đề trong quá trình sản xuất kinh doanh theo chiến lược và kế hoạch của mình đề ra. Cùng giám đốc theo dõi quá trình sản xuất kinh doanh và thay mặt giám đốc giải quyết công việc khi giám đốc vắng mặt.

- Phòng Kế toán:

- Quản lý công ty trong lĩnh vực tài chính, kế toán nhằm phục vụ và đánh giá đúng, trung thực nhất về tài chính của công ty, nhằm đánh giá, tham mưu trong vấn đề quản lý, kinh doanh cho Ban giám đốc.

- + Chịu trách nhiệm toàn bộ thu chi tài chính của Công ty
- + Lập và quản lý các sổ sách kế toán theo quy định của chế độ Tài chính- Kế toán hiện hành.
- + Lập, trình ký, chuyển nộp các báo cáo thuế, báo cáo kế toán, báo cáo thống kê định kỳ theo chế độ Tài chính- Kế toán hiện hành.
- + Mở sổ sách, lưu trữ các chứng từ có liên quan đến việc giao nhận.

Cập nhật phản ánh kịp thời đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào hệ thống sổ sách kế toán theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, thường xuyên đối chiếu và xử lý kịp thời các sai sót kế toán.

- Phòng Kinh doanh:

- + Tham mưu cho lãnh đạo về các chiến lược kinh doanh
- + Xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh theo tháng, quý, năm
- + Giám sát và kiểm tra chất lượng công việc, sản phẩm của các bộ phận khác nhằm mang đến khách hàng chất lượng dịch vụ cao
- + Nghiên cứu về thị trường, đối thủ cạnh tranh
- + Xây dựng chiến lược phát triển về thương hiệu

- Phòng Tổ chức – Hành chính:

+ Tham mưu, giúp việc cho giám đốc công ty và tổ chức thực hiện các việc trong lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ quân sự theo luật và quy chế công ty.

+ Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trong công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế công ty.

+ Làm đầu mối liên lạc cho mọi thông tin của giám đốc công ty.

- Bộ phận sản xuất:

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo phân công

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

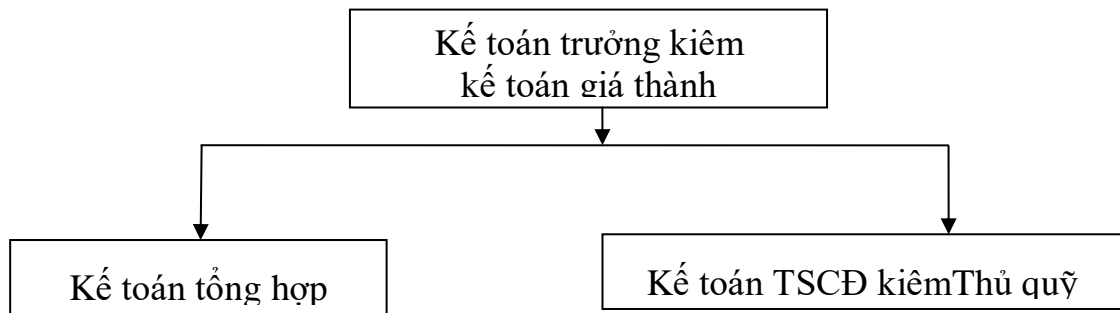
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Giới thiệu chung về bộ máy kế toán:

Để tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, Công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ cụ thể và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự

chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo Công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và đối với công tác kế toán nói riêng .

Hiện nay phòng kế toán của Công ty có 3 người : Kế toán trưởng kiêm kế toán giá thành, kế toán tổng hợp, Kế toán TSCĐ kiêm thủ quỹ. Sau đây là sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.



Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

❖ **Kế toán trưởng kiêm kế toán giá thành:**

- Kế toán trưởng là người giúp Giám đốc công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác hạch toán kế toán, nắm bắt thông tin kinh tế tài chính doanh nghiệp. Quản lý phân công cụ thể chức năng nhiệm vụ cho từng cán bộ công nhân viên trong phòng phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn của từng người.

- Chịu sự kiểm tra giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán của cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan chức năng của Nhà nước. Kiểm soát toàn bộ các chứng từ sổ sách liên quan phát sinh đến tài chính của công ty. Tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ghi chép hệ thống sổ sách chứng từ kế toán theo đúng quy định của Nhà nước.

- Chịu trách nhiệm tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

❖ **Kế toán tổng hợp:**

- Giúp kế toán trưởng kiểm soát cập nhật hạch toán các số liệu thông qua các chứng từ ghi chép ban đầu hợp pháp vào sổ sách kế toán có liên quan kịp thời phải đảm bảo độ chính xác để báo cáo với kế toán trưởng. Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, phát hiện kịp thời những sai sót vi phạm về nguyên tắc, nghiệp vụ quản lý KTTC... Căn cứ vào chứng từ

thanh toán đã được Giám đốc duyệt và kế toán trưởng kiểm soát, lập phiếu thu và phiếu chi theo quy định sau đó chuyển cho thủ quỹ thực hiện. Theo dõi doanh thu, giá vốn hàng bán. Theo dõi công tác thuế, lập bảng kê khai thuế hàng tháng. Quản lý hoá đơn, viết hoá đơn bán hàng. Giúp kế toán trưởng hướng dẫn các phòng ban ghi chép các nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh đảm bảo chính xác đúng mẫu biểu quy định.

- *Quản lý các khoản thu*: Thực hiện các nghiệp vụ thu tiền: thu tiền của thu ngân hàng ngày & thu khác. Theo dõi tiền gửi ngân hàng. Quản lý các chứng từ liên quan đến thu chi.

- *Quản lý các khoản chi*: Lập kế hoạch thanh toán với nhà cung cấp hàng tuần, hàng tháng. Chủ động liên hệ với nhà cung cấp trong trường hợp kế hoạch thanh toán không đảm bảo. Thực hiện nghiệp vụ thanh toán bằng tiền mặt hay tiền gửi cho nhà cung cấp: nhận hoá đơn, xem xét phiếu đề nghị thanh toán, lập phiếu chi... Thực hiện các nghiệp vụ chi nội bộ như lương, thanh toán mua hàng ngoài... Theo dõi nghiệp vụ tạm ứng.

- *Theo dõi việc quản lý quỹ tiền mặt*: Kết hợp với thủ quỹ thực hiện nghiệp vụ thu chi theo quy định. Tiền mặt tồn quỹ phải được sắp xếp theo loại giấy bạc và được kiểm lại cuối ngày. Khóa Sổ và niêm kết trước khi ra về.

❖ ***Kế toán tài sản cố định kiêm Thủ quỹ:***

Theo dõi tình hình tăng, giảm TSCĐ. Tiến hành trích và phân bổ khấu hao cho các đối tượng chịu chi phí.

Chịu trách nhiệm thu, chi theo chứng từ gốc dưới sự chỉ đạo của kế toán trưởng, đảm bảo việc thu, chi tiền mặt theo chứng từ gốc, tồn quỹ tiền mặt, kết hợp sổ sách kế toán.

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

- Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.
- Kỳ kế toán: Từ 1/1 đến 31/12 năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính giá xuất kho: Theo phương pháp Bình quân liên hoàn.

- Chế độ kế toán áp dụng: theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.

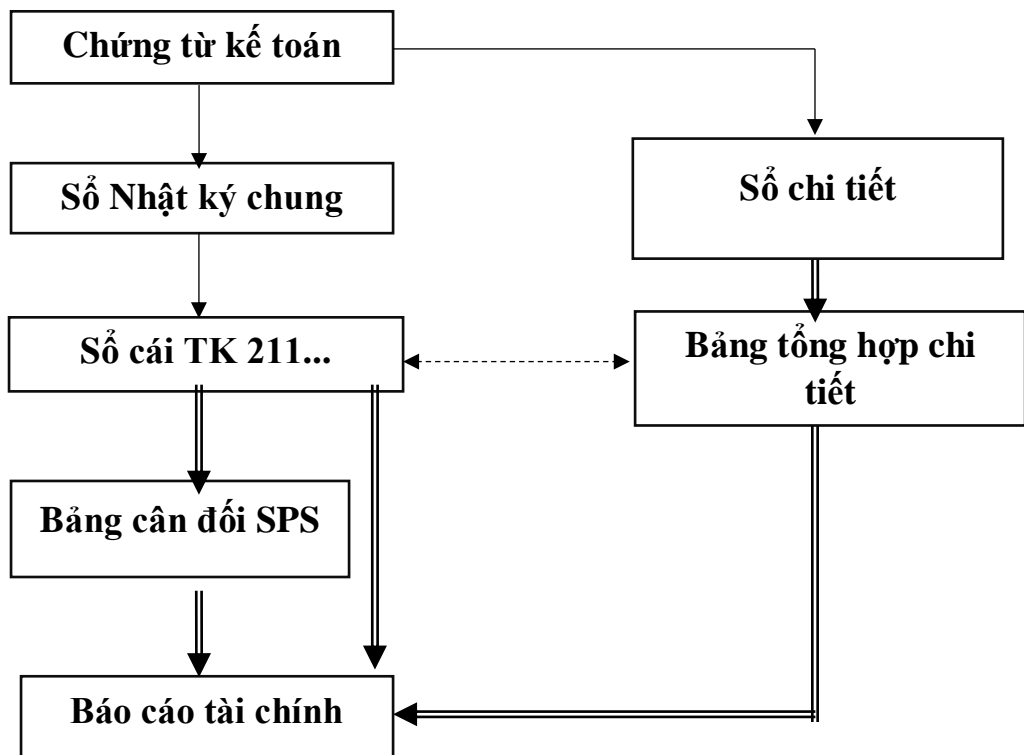
2.1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.

Là một đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực vận tải, nghiệp vụ kinh tế phát sinh khá nhiều, do đó để hệ thống hóa và tính các chỉ tiêu kế toán theo yêu cầu quản lý, đồng thời có đội ngũ kế toán tương đối đồng đều về mặt chuyên môn, bởi đều được đào tạo qua các trường lớp từ bậc trung học đến đại học. Vì vậy đơn vị chọn hình thức kế toán: “Nhật ký chung”.

❖ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ chi tiết TK131, 112...
- Sổ cái các TK 211, 214, 511, 515, 111, 112, 131, 331, 632, 911.....

❖ **Quy trình hạch toán:**



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ
- > Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra tính hợp pháp được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung. Đồng thời từ chứng từ gốc kế toán ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết. Từ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi chép các sổ cái có liên quan.

Cuối kỳ, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh căn; cứ vào bảng tổng hợp chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết, số liệu từ bảng cân đối phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

2.1.4.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp được lập vào cuối năm tài chính bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán- Mẫu B01a-DNN
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh- Mẫu B02-DNN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ- Mẫu B03-DNN
- Thuyết minh báo cáo tài chính- Mẫu B09 – DNN
- Bảng cân đối số phát sinh.

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của Nhà nước như báo cáo thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp.. và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp như: Báo cáo tình hình công nợ, Báo cáo chi phí quản lý kinh doanh...

2.2 Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.

2.2.1 Phân loại và đánh giá giá trị tài sản cố định tại công ty

❖ *Phân loại TSCĐ tại công ty:*

Tài sản cố định của công ty gồm nhiều loại khác nhau cùng tham gia vào quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Để có thể quản lý tốt TSCĐ đòi hỏi doanh nghiệp phải thực hiện phân loại một cách hợp lý.

TSCĐ tại công ty chia thành:

a, Tài sản cố định hữu hình:

- Nhà cửa vật kiến trúc gồm: Nhà văn phòng công ty 3 tầng, nhà xưởng sản xuất, nhà kho chứa hàng...
- Máy móc thiết bị gồm: Máy cắt, máy phát điện, máy đánh bóng, máy mạ kiềem....
- Phương tiện vận tải: Ô tô

b, Tài sản cố định vô hình:

- Quyền sử dụng đất

Cũng như các doanh nghiệp khác Công ty cần phải đầu tư thêm phương tiện vận tải, thiết bị mới và thanh lý, nhượng bán bớt những TSCĐ đã không còn hiệu quả.

❖ **Đánh giá giá trị của TSCĐ:**

- Nguyên giá:

Tại công ty TSCĐ tăng chủ yếu do mua sắm. Đối với những tài sản mua sắm thì nguyên giá là giá mua thực tế phải trả, các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp đến TSCĐ tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt,...

- Giá trị hao mòn:

Giá trị hao mòn của TSCĐ là tổng số khấu hao lũy kế của TSCĐ đã trích được tính đến thời điểm báo cáo.

- Giá trị còn lại:

$$\text{Giá trị còn lại} = \text{Nguyên giá TSCĐ} - \text{Hao mòn lũy kế}$$

2.2.2 Kế toán chi tiết tài sản cố định tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

- ❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế

- Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ *Sổ sách sử dụng*: Sổ theo dõi TSCĐ, thẻ tài sản....
- ❖ *Quy trình mua, bán TSCĐ*
 - Căn cứ vào kế hoạch, Phòng Tổ chức Hành chính lập tờ trình gửi giám đốc duyệt hồ sơ về việc mua hoặc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.
 - Căn cứ vào tờ trình Giám đốc ra Quyết định duyệt mua hoặc thanh lý tài sản cố định.
 - Sau khi tìm được đối tác các bên sẽ lập hợp đồng kinh tế mua, bán tài sản cố định.
 - Biên bản giao nhận tài sản cố định sẽ được lập sau khi tài sản cố định được hội đồng kiểm tra nghiệm thu.
 - Đồng thời bên bán viết hóa đơn GTGT giao cho phòng kế toán để làm thủ tục thanh toán.
 - Căn cứ vào bộ chứng từ kế toán tiến hành ghi vào thẻ tài sản cố định và sổ chi tiết tài sản cố định. Từ sổ thẻ chi tiết tài sản cố định cuối kỳ kế toán ghi vào “Bảng tổng hợp chi tiết tài sản cố định”.
 - Ngoài ra, đối với việc thanh lý tài sản cố định sau khi lập tờ trình, công ty sẽ tiến hành lập Biên bản giám định, Biên bản đánh giá lại tài sản cố định. Căn cứ vào quyết định của Giám đốc mới lập Biên bản thống nhất giá khởi điểm để đấu giá. Và sau đó, có Biên bản làm việc để quyết định bán cho người đấu giá cao nhất trước khi lập Biên bản giao nhận tài sản cố định và viết hóa đơn.

Ví dụ: Ngày 03/5/2018, theo đề nghị của Phòng Tổ chức Hành chính, Máy Photocopy Toshiba 6540C của công ty đã cũ, giá trị đã khấu hao hết cần bán thanh lý. Ban thanh lý của công ty đã họp và quyết định thanh lý TSCĐ trên.

Nguyên giá: 32.727.273 đồng, hao mòn lũy kế: 32.727.273 đồng, giá trị còn lại là 0 đồng, giá trị thu hồi từ thanh lý: 1.500.000đồng, chưa có VAT10%, đã thu bằng tiền mặt.

Khi tiến hành thanh lý cần lập một hội đồng thanh lý tiến hành công việc đánh giá tài sản theo hiện trạng, tình hình kỹ thuật, giá trị còn lại, kèm theo “*Biên bản thanh lý TSCĐ*”

Căn cứ vào hóa đơn và chứng từ liên quan kế toán tiến hành ghi “*thẻ TSCĐ*” và “*sổ chi tiết TK 211*”

Biểu số 2.1: Biên bản thanh lý TSCĐ

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–tự do – hạnh phúc

-----o0o-----

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 03 ngày 05 năm 2018

Số: 05

Căn cứ Đơn đề nghị xin thanh lý ngày 22/04/2018 của Phòng Tổ chức Hành chính Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín đã được Giám đốc phê duyệt.

I. Ban thanh lý TSCĐ bao gồm:

1. Ông: Nguyễn Dương Toàn - Giám đốc công ty- Đại diện Trưởng Ban HĐTL
2. Ông: Lê Văn Vương - Kế toán Trưởng - Ủy viên
3. Ông: Lê Văn Hân - Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính - Ủy viên
4. Bà: Ngô Thị Thủy - Kế toán TSCĐ kiểm thủ quỹ - Ủy viên

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ

Loại tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá TSCĐ	Giá trị còn lại
Máy Photocopy Toshiba 6540C	01	2014	32.727.273	0

III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ

-TSCĐ theo giá thị trường là 1.500.000đ, chấp nhận bán thanh lý với giá 1.500.000đ (chưa thuế GTGT 10%).

IV. Kết quả thanh lý

- Giá trị thu hồi: 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Đã ghi giảm số TSCĐ.

Ngày 03 tháng 05 năm 2018

CÁC THÀNH VIÊN

TRƯỞNG BAN THANH LÝ

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.2. Thẻ tài sản cố định

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
 Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 01 tháng 07 năm 2014

Căn cứ vào Biên bản bàn giao TSCĐ số 08 ngày 01 tháng 07 năm 2014.

Tên, ký hiệu, quy cách TSCĐ: Máy Photocopy Toshiba 6540C.

Nước sản xuất: Nhật Bản Năm sản xuất: 2014

Bộ phận quản lý sử dụng: Văn phòng công ty Năm sử dụng: 2014

Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn TSCĐ	
Năm	Diễn giải	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
01/07/2014	Máy Photocopy Toshiba 6540C	32.727.273		
31/12/2014	Phân bổ KH TSCĐ		7.272.727	7.272.727
31/12/2015	Phân bổ KH TSCĐ		10.909.091	18.181.818
31/12/2016	Phân bổ KH TSCĐ		10.909.091	29.090.909
31/12/2017	Phân bổ KH TSCĐ		3.636.364	32.727.273

Ghi giảm TSCĐ theo Biên bản thanh lý TSCĐ số 05 ngày 03/05/2018.

Lý do giảm: Bán thanh lý TSCĐ.

Ngày 03 tháng 05 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.3: Sổ chi tiết tài khoản 211

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
 Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT

Tài khoản: 211- Tài sản cố định
 Đối tượng: Tài sản cố định hữu hình – TK 2111
 Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu năm				6.511.255.004	
HĐ492	08/4	mua Máy Photocopy Toshiba E-studio 2809A	112	43.636.364		7.243.642.524	
		...					
BBTL05	03/05	Thanh lý Máy Photocopy Toshiba 6540C	214		32.727.273	7.421.321.284	
		...					
		Số phát sinh		1.174.235.017	564.236.412		
		Số dư cuối năm				7.531.253.609	

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.3: Sổ tổng hợp tài sản cố định

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

SỔ TỔNG HỢP TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

TT	Loại tài sản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Tài sản cố định hữu hình	6.511.255.004		1.174.235.017	564.236.412	7.531.253.609	
2	Tài sản cố định vô hình	2.457.351.214				2.457.351.214	
	Cộng	9.378.606.218		1.174.235.017	564.236.412	9.988.604.823	

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

2.2.3 Kế toán tổng hợp tăng, giảm tài sản cố định tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

❖ Chứng từ sử dụng

Tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín sử dụng các chứng từ sau:

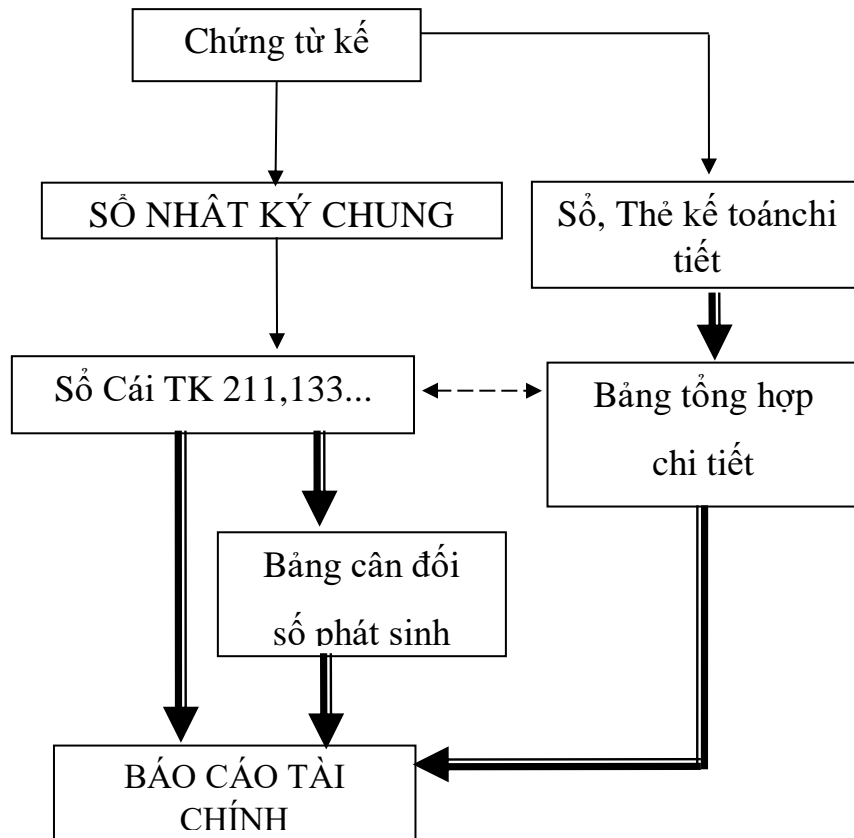
- + Hợp đồng mua bán TSCĐ
- + Hóa đơn GTGT
- + Biên bản thanh lý TSCĐ
- + Biên bản giao nhận TSCĐ
- + Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng

- + TK 211: Tài sản cố định, TK 211 được mở chi tiết:
 - TK 2111: Tài sản cố định hữu hình
 - TK 2113: Tài sản cố định vô hình
- + TK 214: Hao mòn TSCĐ
- + TK khác có liên quan: TK 111, 112, 331, ...

❖ Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán tăng, giảm TSCĐ được thể hiện qua sơ đồ sau:



Ghi chú:
 Ghi hàng ngày \Rightarrow
 Ghi định kỳ \Rightarrow
 Đối chiếu \dashleftarrow

❖ **Ví dụ minh họa:**

Ví dụ 1: Ngày 08/04/2018, Công ty mua Máy Photocopy Toshiba E-studio 2809A của Công ty Cổ phần quốc tế Samnec, dùng ở Phòng Tổ chức Hành chính, với giá mua có cả VAT 10% là 48.000.000đồng, Công ty thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn kinh doanh.

Sau khi “*Hợp đồng mua bán*” được chứng thực đầy đủ điều kiện pháp lý và bắt đầu có hiệu lực, Công ty Cổ phần quốc tế Samnec đã tiến hành bàn giao TSCĐ thông qua “*Biên bản bàn giao TSCĐ*” vào ngày 08/04/2018 kèm theo “*Hóa đơn GTGT*” ngày 08/04/2018.

Căn cứ vào các chứng từ phát sinh, kế toán ghi vào “*Nhật ký chung*”. Từ sổ nhật ký chung kế toán tiến hành ghi vào “*Sổ Cái TK 211*”, sổ cái tài khoản 133 và

Ví dụ 2: Ngày 03/5/2018, theo đề nghị của Phòng Tổ chức Hành chính, Máy Photocopy Toshiba 6540C của công ty đã cũ, giá trị đã khấu hao hết cần bán thanh lý. Ban thanh lý của công ty đã họp và quyết định thanh lý TSCĐ trên.

Nguyên giá: 32.727.273 đồng, hao mòn lũy kế: 32.727.273 đồng, giá trị còn lại là 0 đồng, giá trị thu hồi từ thanh lý: 1.500.000đồng, chưa có VAT10%, đã thu bằng tiền mặt.

Khi tiến hành thanh lý cần lập một hội đồng thanh lý tiến hành công việc đánh giá tài sản theo hiện trạng, tình hình kỹ thuật, giá trị còn lại, kèm theo “*Biên bản thanh lý TSCĐ*”

Căn cứ vào hóa đơn và chứng từ liên quan kế toán tiến hành ghi “*thẻ TSCĐ*” và “*sổ chi tiết TK 211*”

Căn cứ vào các chứng từ phát sinh, kế toán ghi vào “*Nhật ký chung*”. Từ sổ nhật ký chung kế toán tiến hành ghi vào “*Sổ Cái TK 211*”, sổ cái tài khoản 214 và TK 111, TK 711 và TK 333.

Biểu số 2.4: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số:																
Liên 2: Giao khách hàng			01GTKT3/001																
Ngày 08 tháng 04 năm 2018			Ký hiệu: TM/18P																
			Số: 0000492																
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần quốc tế Samnec																			
Mã số thuế: 0200591141																			
Địa chỉ: Số 4 Hồ Sen, Trại Cau, Lê Chân, Hải Phòng																			
Điện thoại: 0225 3611 522																			
Số tài khoản:																			
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td style="width: 20px;">0</td> <td style="width: 20px;">2</td> <td style="width: 20px;">0</td> <td style="width: 20px;">1</td> <td style="width: 20px;">2</td> <td style="width: 20px;">3</td> <td style="width: 20px;">9</td> <td style="width: 20px;">1</td> <td style="width: 20px;">6</td> <td style="width: 20px;">3</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>						0	2	0	1	2	3	9	1	6	3				
0	2	0	1	2	3	9	1	6	3										
Địa chỉ: Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng																			
Hình thức thanh toán: CK..... Số tài khoản:.....																			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=5x4														
1	Máy Photocopy Toshiba E-studio 2809A	Chiếc	01	43.636.364	43.636.364														
Cộng tiền hàng					43.636.364														
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		4.363.636														
Tổng cộng tiền thanh toán					48.000.000														
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn mươi tám triệu đồng</i>																			
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>															
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																			

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu 2.5: Giấy báo nợ

	Số: 222
	Mã GDV: PHUQTQTO
GIẤY BÁO NỢ	Mã KH: 594547
08/04/2018	
Kính gửi: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín	
Mã số thuế: 0201239163	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:	
Số tài khoản ghi Nợ: 0531 0088 387 1	
Số tiền bằng số: 48.000.000 đồng	
Số tiền bằng chữ: <i>Bốn mươi tám triệu đồng chẵn./</i>	
Nội dung: <i>## Trả tiền mua Máy Photocopy Toshiba E-studio 2809A cho Công ty Cổ phần quốc tế Samnec ##</i>	
Giao dịch viên	Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu 2.6: Sao kê tài khoản chi tiết



SAO KÊ TÀI KHOẢN CHI TIẾT

STATEMENT OF ACCOUNT

Từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/04/2018

Số tài khoản/Account number: 0531 0088 387 1

Loại tiền tệ/Currency: VND

Tên TK/Account name: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

Số dư đầu kỳ: 412,531,204

Số dư cuối kỳ: 213.248.051

Ngày phát sinh	Số GD	Nội dung giao dịch	Doanh số phát sinh	
			Nợ/Debit	Có/Credit
		...		
06/04/2018	215	KHACH HANG TRA TIEN	120,000,000	
		...		
08/04/2018	222	TRA TIEN MUA HANG	48,000,000	
		...		
19/04/2018	241	TRA NO CHO CONG TY HONG HOA	28,000,000	
		...		
20/04/2018	243	KHACH HANG TRA TIEN		270,240000
		...		
26/04/2018	249	ACCRUED INTEREST		21.248
		...		
CỘNG PHÁT SINH			1,600,453,427	1,401,170,274

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.7: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số:															
Liên 3: Lưu			01GTKT3/001															
Ngày 03 tháng 05 năm 2018			Ký hiệu: TM/18P															
			Số: 0000981															
Tên đơn bán hàng vị: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín																		
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table>						0	2	0	1	2	3	9	1	6	3			
0	2	0	1	2	3	9	1	6	3									
Địa chỉ: Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng																		
Điện thoại: 02253.762.888. Số tài khoản:																		
Họ tên người mua hàng: Ông Đồng Đức Minh																		
Tên đơn vị:																		
Mã số thuế:																		
Địa chỉ: Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng																		
Hình thức thanh toán: TM..... Số tài khoản:.....																		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
1	2	3	4	5	6=5x4													
1	Thanh lý Máy Photocopy Toshiba 6540C	Chiếc	01	1.500.000	1.500.000													
Cộng tiền hàng					1.500.000													
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		150.000													
Tổng cộng tiền thanh toán					1.650.000													
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn</i>																		
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>														
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																		

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu 2.8: Phiếu thu

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Hải phòng, ngày 03 tháng 05 năm 2018

SỐ PT 511

Nợ TK 111	1.650.000
Có TK 711	1.500.000
Có TK 333	150.000

Họ tên người nộp tiền : **Ông Đồng Đức Minh**

Địa chỉ : Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Lý do nộp: Thanh toán tiền mua máy photo thanh lý.

Số tiền : **1.650.000** đồng.

(Viết bằng chữ) Một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 03 tháng 05 năm 2018

Thủ trưởng đv	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp tiền	Thủ quỹ
<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ). Một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi.....

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.9: Trích sổ Nhật ký chung

Mẫu số S03a – DNN

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

((Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC))

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
08/04	HĐ 492 BN222	08/04	Mua máy Photocopy Toshiba E-studio 2809A	211 133 112	43.636.364 4.363.636	48.000.000
			...			
03/05	BBTL 05	03/05	Thanh lý Máy Photocopy Toshiba 6540C cho Ông Minh	214 211	32.727.273	32.727.273
03/05	PT511 HĐ0981	03/05	Hạch toán thu nhập từ Thanh lý Máy Photocopy Toshiba 6540C cho Ông Minh	111 711 333	1.650.000	1.500.000 150.000
			...			
02/11	PC821 HĐ1141	02/11	Chi phí sửa xe ô tô 15A 258.31	642 133 111	5.314.000 531.400	5.845.400
			...			
31/12	PBKH 12	31/12	Khấu hao TSCĐ tháng 12/2018	154 642 214	65.811.406 16.452.851	82.264.257
			...			
			Cộng phát sinh		193.702.975.345	193.702.975.345

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.10: Trích sổ cái TK 211

Mẫu số S03b – DNN

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

((Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC))

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Tài sản cố định

Số hiệu: 211

Năm 2018

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		9.378.606.218	
				
08/04	HĐ 492 BN222	08/04	Mua máy Photocopy Toshiba E-studio 2809A	112	43.636.364	
			...			
03/05	BBTL 05	03/05	Thanh lý Máy Photocopy Toshiba 6540C cho Ông Minh	214		32.727.273
			...			
01/6	QTXD 21/17	01/6	Bản giao giá trị nhà xưởng TR12	241	336.157.540	
			...			
31/07	HĐ 2211	31/07	Mua ô tô BK 15A 283 27	331	691.531.400	
			...			
			Cộng phát sinh năm		1.174.235.017	564.236.412
			Số dư cuối kỳ		9.988.604.823	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

2.2.4. Kế toán khấu hao tài sản cố định

Hiện nay, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín đang áp dụng phương pháp trích khấu hao theo đường thẳng (hay còn được gọi là khấu hao đều hoặc khấu hao tuyến tính) đối với các tài sản cố định doanh nghiệp quản lý. Phương pháp này được quy định trong nội dung của Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành chế độ quản lý và trích khấu hao tài sản cố định.

Tuy nhiên, riêng về xác định thời điểm trích khấu hao cũng như thời không trích khấu hao công ty lại có quy định riêng. Công ty có cách xác định thời gian khấu hao như sau: đối với những tài sản mua, bán chưa đủ tháng nhưng công ty vẫn trích khấu hao, hoặc thời không trích khấu hao đủ tháng.

Xác định mức trích khấu hao hàng năm (cho những năm còn lại của tài sản cố định) như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Năm sử dụng}}$$

Xác định mức trích khấu hao bình quân hàng tháng cho TSCĐ như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích khấu hao cả năm}}{12 \text{ tháng}}$$

❖ Chứng từ sử dụng

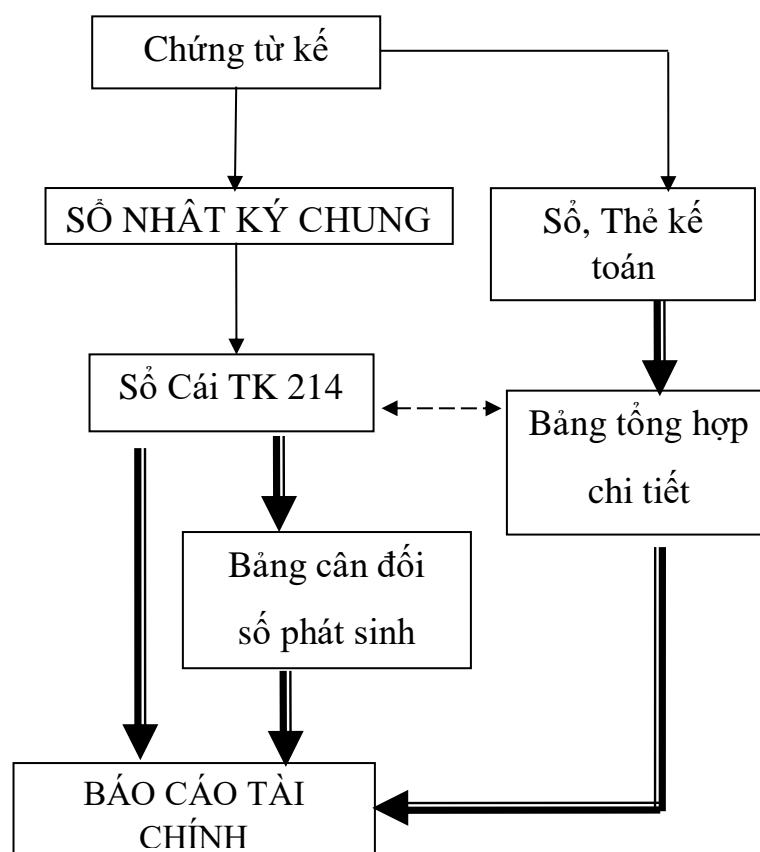
Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 214, 154, 642.

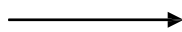
❖ Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán khấu hao TSCĐ thể hiện ở sơ đồ sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi định kỳ



Đối chiếu



Ví dụ: Ngày 08/04/2018, Công ty mua Máy Photocopy Toshiba E-studio 2809A dùng ở Phòng Tổ chức Hành chính của Công ty Cổ phần quốc tế Samnec, với giá mua có cả VAT 10% là 48.000.000đồng, Công ty thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn kinh doanh.

Tài sản này được đưa vào sử dụng ngày 08/04/2018 và theo quy định của công ty, kế toán bắt đầu tính khấu hao từ ngày 01/04/2018

Nguyên giá tài sản cố định = 43.636.364 đồng.

Mức trích KH trung bình năm = $43.636.364/3 = 14.545.455$ đồng/năm

Mức trích KH trung bình tháng = $14.545.455 /12 = 1.212.121$ đồng/tháng.

Mức trích KH tháng 4 = 1.212.121đồng/tháng.

Biểu số 2.11: Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tháng 04 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên TSCĐ	Nguyên giá	Số tháng KH	Mức KH năm	Mức KH tháng	Tài khoản ghi nợ			Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
						TK 154	TK 642	Cộng		
	...									
8	Xe ô tô 15A 258.31	865.421.300	96	8	9.014.805		9.014.805	9.014.805	252.414.546	613.006.754
9	Máy Photocopy Toshiba E-studio 2809A	43.636.364	36	3	1.212.121		1.212.121	1.212.121	1.212.121	42.424.243
	...									
	Cộng	10.231.568.124			82.832.511	66.245.306	16.587.205	82.832.511	2.826.214.306	7.405.353.818

Hải phòng, ngày 02 tháng 05 năm 2018

Người lập
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.12: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
08/04	HĐ 492 BN222	08/04	Mua máy Photocopy Toshiba E-studio 2809A	211 133 112	43.636.364 4.363.636	48.000.000
			...			
02/05	PBKH 04	02/05	Khấu hao TSCĐ tháng 04/2018	154 642 214	66.245.306 16.587.205	82.832.511
			...			
03/05	BBTL 05	03/05	Thanh lý Máy Photocopy Toshiba 6540C cho Ông Minh	214 211	32.727.273	32.727.273
03/05	PT511 HĐ0981	03/05	Hạch toán thu nhập từ Thanh lý Máy Photocopy Toshiba 6540C cho Ông Minh	112 711 333	1.650.000	1.500.000 150.000
			...			
02/11	PC821 HĐ1141	02/11	Chi phí sửa xe ô tô 15A 258.31	642 133 111	5.314.000 531.400	5.845.400
			...			
			Cộng phát sinh		193.702.975.345	193.702.975.345

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.13: Trích sổ Cái TK 214

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Hao mòn TSCĐ

Số hiệu: 214

Năm 2018

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			2.756.500.992
				
03/05	BBTL 05	03/05	Thanh lý Máy Photocopy Toshiba 6540C cho Ông Minh	214	32.727.273	
02/5	BKH T4	02/5	Trích khấu hao TSCĐ tháng 4	154 642		66.245.306 16.587.205
			...			
30/9	BKH T9	30/9	Trích khấu hao TSCĐ tháng 9	154 642		65.811.406 16.452.851
31/10	BKH T10	31/10	Trích khấu hao TSCĐ tháng 10	154 642		65.811.406 16.452.851
30/11	BKH T11	30/11	Trích khấu hao TSCĐ tháng 11	154 642		65.811.406 16.452.851
			...			
			Cộng phát sinh năm		417.693.941	987.548.325
			Số dư cuối kỳ			3.326.355.376

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

2.2.5 Kế toán sửa chữa tài sản cố định

Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ thường phát sinh tương đối đều đặn, giá trị thấp nên kế toán phản ánh trực tiếp vào chi phí SXKD trong kỳ hạch toán. Công ty có thể tự sửa đổi với những trường hợp hỏng hóc đơn giản. Trong trường hợp không tự sửa được công ty sẽ đi thuê ngoài.

Trong kỳ công ty không thực hiện trích trước cũng như hoạt động sửa chữa lớn tài sản cố định.

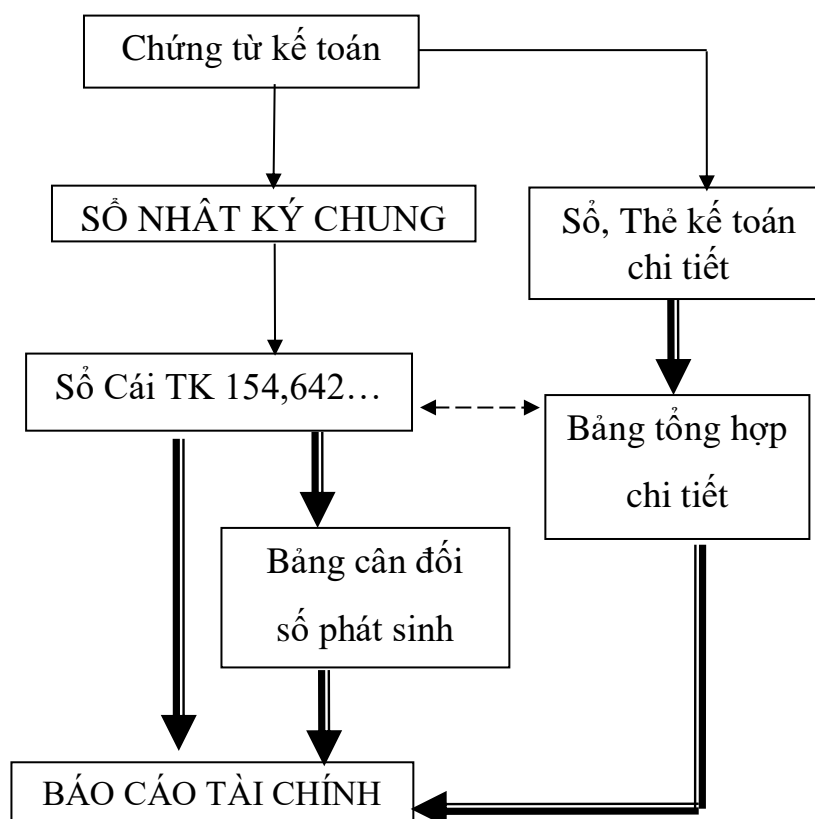
❖ *Chứng từ sử dụng*

- Bảng tính lương công nhân viên sửa chữa thường xuyên TSCĐ.
- Phiếu chi, HĐGTGT (liên2).

❖ *Tài khoản sử dụng*

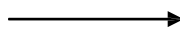
TK 154, 642, 331,...

❖ *Quy trình hạch toán*



Ghichú:

Ghi hàng ngày



Ghi định kỳ



Đối chiếu



Ví dụ: Ngày 02/11/2018, công ty chi bảo dưỡng xe ô tô 4 chỗ (xe được dùng để phục vụ cho bộ phận quản lý doanh nghiệp), số tiền chưa thuế GTGT 5.314.000 đồng, thuế GTGT 10 %, thanh toán ngay bằng tiền mặt.

Khi TSCĐ bị hỏng hoặc xuống cấp lái xe Trần Mạnh Cường viết “*Đơn đề nghị sửa chữa*” trình lên giám đốc. Khi đơn đề nghị được chấp thuận thì tiến hành mang TSCĐ đi bảo dưỡng. Sau khi quá trình sửa chữa hoàn tất thì “*Hóa đơn GTGT*”. Đồng thời kế toán nhận được “*Bảng tổng hợp chi phí sửa chữa thường xuyên*” được gửi về doanh nghiệp. Kế toán căn cứ vào hóa đơn để viết “*Phiếu chi*” để trả tiền cho bên sửa chữa.

Căn cứ vào các chứng từ phát sinh, kế toán ghi vào “*Nhật ký chung*”. Từ sổ Nhật ký chung kế toán vào “*Sổ cái TK 642*”, sổ cái TK 133, 111.

Biểu số 2.14: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số:															
Liên 2: Giao khách hàng			01GTKT3/001															
Ngày 02 tháng 11 năm 2018			Ký hiệu: TM/18P															
			Số: 0011412															
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Sửa chữa Ô tô Bảo Lâm																		
Mã số thuế: 0200706351																		
Địa chỉ: Số 72 Trần Tất Văn, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng																		
Điện thoại: 02253.762.888																		
Số tài khoản:																		
Họ tên người mua hàng: Trần Mạnh Cường.....																		
Tên đơn vị: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín																		
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>						0	2	0	1	2	3	9	1	6	3			
0	2	0	1	2	3	9	1	6	3									
Địa chỉ: Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng																		
Hình thức thanh toán: CK/TM..... Số tài khoản:.....																		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
1	2	3	4	5	6=5x4													
1	Sửa xe (bảng kê kèm theo)				5.314.000													
	/																	
Cộng tiền hàng					5.314.000													
Thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT			531.400													
Tổng cộng tiền thanh toán					5.845.400													
Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu, tám trăm bốn mươi năm nghìn, bốn trăm đồng																		
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)														
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																		

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.15: Bảng tổng hợp CPSC thường xuyên

Công ty TNHH Sửa chữa Ô tô Bảo Lâm
Số 72 Trần Tất Văn, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – tự do – hạnh phúc
-----o0o-----

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG

Ngày 02 tháng 11 năm 2018

TT	Tên thiết bị	Tên vật tư	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xe ô tô 4 chỗ BK 15A 258.31	Thay chế hòa khí	01	350.000	350.000
2		Thay thắng xe	01	410.000	410.000
3		Thay séc măng, bạc biên	01	2.800.000	2.800.000
4		Thay bộ Rutyn đứng	04	400.000	400.000
5		Gò sơn cốp		1.300.000	1.300.000
6		Công bảo dưỡng	01	450.000	450.000
	Tổng (chưa VAT)				5.314.000

Hải Phòng, ngày 02 tháng 11 năm 2018

Phụ trách bộ phận

(Ký tên)

Người lập

(Ký tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.16: Phiếu chi tiền

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Hải phòng, ngày 02 tháng 11 năm 2018

Số: 821

Nợ 642
Nợ 133
Có:111

Họ tên người nhận tiền: Trần Mạnh Cường

Địa chỉ: Phòng Tổ chức Hành chính

Lý do chi: Thanh toán tiền sửa xe cho Công ty TNHH Sửa chữa Ô tô Bảo Lâm

Số tiền: 5.845.400 (Viết bằng chữ: Năm triệu tám trăm bốn mươi năm nghìn bốn trăm đồng).

Kèm theo 01 chứng từ gốc Hóa đơn GTGT 1141

Ngày 02 tháng 11 năm 2018

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ). Năm triệu tám trăm bốn mươi năm nghìn bốn trăm đồng .

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi.....

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.17: Trích sổ Nhật ký chung

Mẫu số S03a – DNN

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

((Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC))

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
08/04	HĐ 492 BN222	08/04	Mua máy Photocopy Toshiba E-studio 2809A	211 133 112	43.636.364 4.363.636	48.000.000
			...			
03/05	BBTL 05	03/05	Thanh lý Máy Photocopy Toshiba 6540C cho Ông Minh	214 211	32.727.273	32.727.273
03/05	PT511 HĐ0981	03/05	Hạch toán thu nhập từ Thanh lý Máy Photocopy Toshiba 6540C cho Ông Minh	112 711 333	1.650.000	1.500.000 150.000
			...			
02/11	PC821 HĐ1141	02/11	Chi phí sửa xe ô tô 15A 258.31	642 133 111	5.314.000 531.400	5.845.400
			...			
31/12	PBKH 12	31/12	Khấu hao TSCĐ tháng 12/2018	154 642 214	65.811.406 16.452.851	82.264.257
			...			
			Cộng phát sinh		193.702.975.345	193.702.975.345

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.18: Trích sổ Cái TK 642

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí Quản lý Kinh doanh
Số hiệu: 642
Năm 2018

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
				
30/9	BKH T9	30/9	Trích khấu hao TSCĐ tháng 9	214	16.452.851	
31/10	BKH T10	31/10	Trích khấu hao TSCĐ tháng 10	214	16.452.851	
			...			
30/11	BKH T11	30/11	Trích khấu hao TSCĐ tháng 11	214	16.452.851	
			...			
02/11	PC821 HD1141	02/11	Chi phí sửa xe ô tô BK 15A 258.31	111	5.314.000	
			...			
31/12	BKH T12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12	214	16.452.851	
			...			
			Cộng phát sinh năm		1.883.760.530	1.883.760.530
			Số dư cuối kỳ			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MỸ TÍN

Hiện nay đất nước ta đang phát triển theo định hướng nền kinh tế công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Vì vậy, vai trò kế toán càng trở nên quan trọng và trở thành một công cụ không thể thiếu trong quản lý kinh tế nhà nước và của mọi doanh nghiệp. Kế toán được sử dụng như một công cụ sắc bén và có hiệu quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị.

Trong nhiều năm nay, Chính sách liên quan đến kế toán tài sản cố định của nước ta không ngừng được sửa đổi và hoàn thiện. Chế độ tài sản cố định mới ra đời nhằm hoàn thiện việc trả quản lý tài sản cố định để phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh và trình độ quản lý kinh tế trong từng thời kỳ. Vì thế kế toán tài sản cố định ở doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng cũng phải được nghiên cứu và hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh và quản lý kinh tế trong từng thời kỳ.

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty

Qua thời gian tìm hiểu thực tế về công tác kế toán nói chung, cách tính và cách hạch toán tài sản cố định ở Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín. Nhìn chung công ty đã thực hiện tốt theo chính sách của Nhà nước nhưng bên cạnh đó còn một số hạn chế cần khắc phục để công tác kế toán tài sản cố định của công ty ngày càng hiệu quả hơn.

3.1.1 Ưu điểm

** Về công tác kế toán nói chung*

- **Tổ chức bộ máy quản lý:** Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với đặc điểm và quy mô hoạt động của doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các phòng ban được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và thực hiện tốt các yêu cầu quản lý, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí và sử dụng lao động có hiệu quả cho công ty.

- **Bộ máy kế toán:** Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung nhằm thực hiện chức năng kiểm tra giám sát đầy đủ và chặt chẽ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phù hợp với tình hình thực tế của công ty. Bộ máy kế toán đã thể hiện rõ vai trò quan trọng của mình trong tham mưu cho các nhà quản lý trong việc tạo ra các quyết định kinh tế. Với mô hình tổ chức này, năng lực của kế toán viên được khai thác một cách hiệu quả đồng thời hạn chế việc tiêu hao công sức nhưng vẫn đảm bảo công việc được giao.

- **Về hình thức kế toán:** Công ty áp dụng theo hình thức “Nhật ký chung”, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

- **Về hệ thống chứng từ, tài khoản và báo cáo tài chính**

+ Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định theo thông tư số 133/2016/TT-BTC. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

+ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín sử dụng những tài khoản trong hệ thống tài khoản ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC là phù hợp với chế độ kế toán công ty đang áp dụng.

+ Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

* **Về công tác hạch toán kế toán TSCĐ nói riêng**

- **Kế toán tổng hợp TSCĐ:** Kế toán tổng hợp TSCĐ không chỉ đảm bảo được tính đầy đủ về mặt nội dung và sự khoa học trong cách trình bày và báo cáo đã giúp cho các nhà quản lý nắm bắt được tình hình sử dụng TSCĐ trong Công ty một cách chi tiết, đúng đắn nhằm đưa ra các quyết định sáng suốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- *Công tác quản lý TSCĐ*: Tài sản cố định được công ty kiểm kê, đánh giá vào thời điểm cuối năm. Việc này giúp cho công ty có khả năng kiểm soát được tình hình hiện trạng của TSCĐ đang được sử dụng tại công ty. Căn cứ vào kết quả kiểm kê hàng năm, công ty đã có những biện pháp giải quyết kịp thời. Ngoài ra việc kiểm kê giúp cho các nhà quản lý định ra được phương hướng đầu tư vào TSCĐ cũng như việc đề ra những biện pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ.

- *Công tác theo dõi và tính khấu hao TSCĐ*: Kế toán TSCĐ đã lựa chọn phương thức khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng không chỉ đơn giản dễ thực hiện mà còn phù hợp với tính chất ổn định trong hoạt động của doanh nghiệp.

3.1.2 Hạn chế

Trong việc hạch toán chi tiết TSCĐ Công ty đã thực hiện tương đối đầy đủ các quy định về chứng từ kế toán, tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số mặt sau:

- *Về cách tính khấu hao tài sản cố định*: khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Khi tài sản cố định được mua về sử dụng chưa tròn tháng, xấp xỉ tháng hoặc thanh lý không vào ngày đầu tháng thì doanh nghiệp vẫn tính khấu hao, thôi tính khấu hao đủ số ngày của tháng đó.

Ví dụ: Ngày 08/04/2018, Công ty mua Máy Photocopy Toshiba E-studio 2809A dùng ở Phòng Tổ chức Hành chính của Công ty Cổ phần quốc tế Samnec, với giá mua có cả VAT 10% là 48.000.000đồng, Công ty thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

Tài sản này được đưa vào sử dụng ngày 08/04/2018 và kế toán bắt đầu tính khấu hao từ ngày 01/04/2018

Nguyên giá tài sản cố định = 43.636.364 đồng.

Mức trích KH trung bình năm = $43.636.364/3 = 14.545.455$ đồng/năm

Mức trích KH trung bình tháng = $14.545.455 /12 = 1.212.121$ đồng/tháng.

Mức trích KH tháng 4 = 1.212.121đồng/tháng.

Như vậy, kế toán tính khấu hao Máy Photocopy Toshiba E-studio 2809A mua ngày 08/04/2018 vào chi phí khấu hao cả tháng 4

Việc tính khấu hao như trên là không đúng theo quy định của pháp luật vì theo quy định: *ngày ghi tăng tài sản là ngày bắt đầu tính khấu hao, ngày ghi giảm tài sản là ngày bắt đầu thôi không trích khấu hao*. Công ty tính khấu hao như trên sẽ không phản ánh đúng số chi phí khấu hao thực tế phát sinh trong tháng.

- *Về công tác ghi chép sổ sách kế toán*: Mọi sổ sách của công ty đều làm thủ công, việc ghi chép trên Excel và theo dõi rất mất thời gian, hơn nữa công tác lưu trữ cũng sẽ gặp không ít khó khăn. Trong khi đó trình độ kế toán trong công ty lại không đồng đều rất dễ dẫn đến việc sai sót và có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

- *Về công tác luân chuyển chứng từ và bộ máy kế toán*: nhìn chung chứng từ luân chuyển trong công ty còn chậm ảnh hưởng đến tốc độ hạch toán kế toán tại doanh nghiệp, dẫn đến công việc bị dồn vào cuối kỳ. Việc chứng từ luân chuyển chậm.

- *Về công tác sửa chữa lớn tài sản cố định*: Công ty có nhà xưởng, máy móc thiết bị... Nhưng hàng năm công ty không xây dựng kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định mà chỉ đến khi tài sản cố định hỏng công ty mới tiến hành sửa chữa. Điều này làm cho quá trình sản xuất của công ty có thể bị gián đoạn do hư hỏng nhà xưởng, máy móc thiết bị, làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.

3.2.1. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty

Để có thể hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín thì các phương hướng và ý kiến đưa ra phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Hoàn thiện công tác kế toán phải được thực hiện dựa trên cơ sở tuân thủ các chính sách kinh tế của Nhà nước nói chung và chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành. Nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua các công cụ kinh tế vĩ mô, để có thể tồn tại và phát triển thì doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh phải chấp hành đầy đủ các quy định nhà nước ban hành.

- Công tác kế toán cần đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác cho nhà quản lý, không để xảy ra tình trạng thông tin bị dồn ứ không cung cấp kịp thời cho nhu cầu quản trị trong nội bộ công ty cũng như những đối tượng quan tâm khác. Đây là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư và các ngân hàng. Những thông tin tốt, sát với thực tế của doanh nghiệp sẽ giúp công ty có được những thành công trong tương lai.

- Việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời là rất quan trọng những cũng không vì thế mà kế toán có thể đưa ra các thông tin thiếu chính xác. Các thông tin như vậy sẽ không thực sự có giá trị trong việc ra quyết định. Do vậy việc hoàn thiện công tác kế toán không chỉ đảm bảo tính kịp thời mà cả tính chính xác của thông tin kế toán.

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ phải hướng tới những tiện ích mà máy tính và phần mềm kế toán máy đem lại để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc, giúp cho doanh nghiệp giảm bớt chi phí và đạt kết quả nhanh chóng hơn

3.2.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

Nhìn chung, công tác kế toán của Công ty có nhiều ưu điểm và tính phù hợp cao đã đem lại hiệu quả, song vẫn còn tồn tại một số hạn chế làm cho công tác kế toán chưa thực sự hoàn thiện.

Trên cơ sở những thực tế còn tồn tại, em xin có một số ý kiến đóng góp dưới đây nhằm góp phần nhỏ vào việc hoàn thiện về công tác kế toán tài sản cố định ở Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.

❖ ***Ý kiến thứ nhất: Hoàn thiện về cách tính khấu hao tài sản cố định:***

Theo quy định của Bộ tài chính ban hành chế độ quản lý và trích khấu hao như sau:

TSCĐ sử dụng bắt đầu từ ngày nào thì tính khấu hao tài sản cố định từ ngày đó. Cách tính khấu hao như sau:

$$\text{Mức trích KH năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Năm sử dụng}}$$

$$\text{Mức trích KH tháng của TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích KH năm của TSCĐ}}{12 \text{ tháng}}$$

$$\text{Mức trích KH tháng phát sinh của TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích KH tháng của TSCĐ}}{\text{Tổng số ngày của tháng phát sinh}} \times \text{Số ngày sử dụng trong tháng}$$

$$\text{Số ngày sử dụng trong tháng} = \text{Tổng số ngày của tháng phát sinh} - \text{Ngày bắt đầu sử dụng} + 1$$

Kế toán sửa lại ví dụ trên như sau:

Ví dụ: Ngày 08/04/2018, Công ty mua Máy Photocopy Toshiba E-studio 2809A dùng ở Phòng Tổ chức Hành chính của Công ty Cổ phần quốc tế Samnec, với giá mua có cả VAT 10% là 48.000.000đồng, Công ty thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn kinh doanh.

Tài sản này được đưa vào sử dụng ngày 08/04/2018 và kế toán bắt đầu tính khấu hao từ ngày 08/04/2018

Nguyên giá tài sản cố định = 43.636.364 đồng.

Mức trích KH trung bình năm = 43.636.364/3= 14.545.455 đồng/năm

Mức trích KH trung bình tháng = 14.545.455 /12= 1.212.121đồng/tháng.

Mức trích KH tháng 4 = (1.212.121* 23)/30 = 929.293 đồng/tháng.

Kế toán lập lại Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 4/2018 như sau:

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
 Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
 Tháng 04 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên TSCĐ	Nguyên giá	Số tháng KH	Mức KH năm	Mức KH tháng	Tài khoản ghi nợ			Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
						TK 154	TK 642	Cộng		
	...									
8	Xe ô tô 15A 258.31	865.421.300	96	8	9.014.805		9.014.805	9.014.805	252.414.546	613.006.754
9	Máy Photocopy Toshiba E-studio 2809A	43.636.364	36	3	929.293		929.293	929.293	929.293	42.707.071
	...									
	Cộng	10.231.568.124			83.115.339	66.245.306	16.304.377	83.115.339	2.825.931.478	7.405.636.646

Hải phòng, ngày 02 tháng 05 năm 2018

Người lập
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

❖ **Ý kiến thứ hai: Hoàn thiện việc ghi chép sổ sách kế toán:**

Nếu như trước đây khi kế toán viên cộng sổ kế toán sai thì toàn bộ các báo cáo tài chính quản trị có liên quan đều phải được lập lại từ đầu và thời gian tiêu tốn cho việc này có thể mất vài ngày thậm chí tới vài tuần để hoàn thành thì nay với sự hỗ trợ của phần mềm kế toán, người sử dụng có thể giảm tối đa thời gian lãng phí vào việc chỉnh sửa dữ liệu, sổ sách, báo cáo từ vài ngày xuống còn vài phút. Mặt khác công tác kế toán thủ công đòi hỏi cần nhiều nhân sự làm kế toán trong khi phần mềm kế toán do tự động hóa hoàn toàn các công đoạn tính toán, lưu trữ, tìm kiếm và kết xuất báo cáo nên tiết kiệm được nhân sự và thời gian, chính điều này đã góp phần tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.

Cùng với sự phát triển ngày càng cao của khoa học kỹ thuật, xu hướng phát triển nhanh chóng trên toàn thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán kế toán là rất cần thiết.

Áp dụng tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán có chi phí đầu vào không cao nhưng hiệu quả mang lại rất lớn. Nó giúp giảm nhẹ rất nhiều khối lượng công việc của kế toán viên, nâng cao độ tin cậy, độ chính xác của các con số trong kế toán.

Em xin giới thiệu một số phần mềm khá phổ biến và uy tín trên thị trường, phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ : Misa, Fast accounting, Bravo,...

Phần mềm quản trị- tài chính- kế toán Bravo



Phiên bản mới của “Phần mềm quản trị tài chính - kế toán BRAVO” là Bravo8. Với nền tảng được thiết kế trên công nghệ hiện đại cho phép phần mềm BRAVO dễ dàng được sửa đổi, thêm bớt chức năng trong từng phân hệ

(module) và thêm những phân hệ mới.

BRAVO được xây dựng theo từng phân hệ (module) nhằm mục đích trợ giúp và quản lý các hệ thống quy trình quản lý SXKD của doanh nghiệp trên phần mềm (*Quản lý và hoạch định tài nguyên doanh nghiệp*)

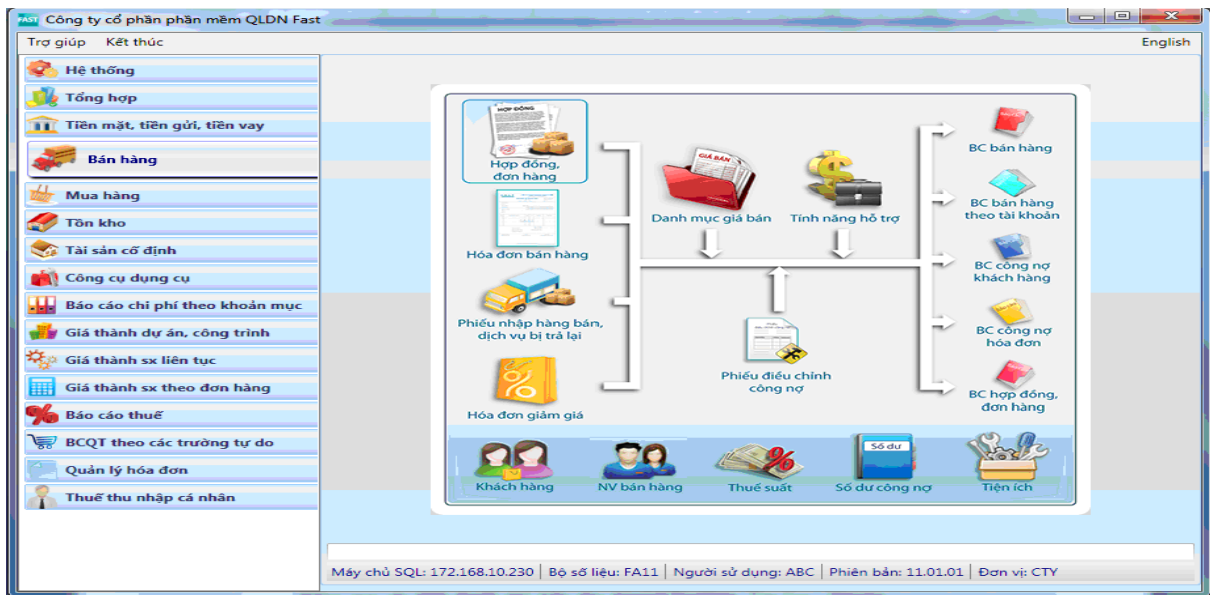
Hệ thống mở, mềm dẻo linh hoạt

Cùng với sự phát triển của doanh nghiệp, các yêu cầu về quản trị sẽ thay đổi dẫn đến sự quá tải đối với các phần mềm có thiết kế đóng. Đồng thời, tính đa dạng và đặc thù của các ngành nghề kinh doanh làm cho vấn đề càng trở nên phức tạp khi không có những phần mềm được tổ chức tốt và thiết kế mở. Phần mềm BRAVO được thiết kế với hệ thống mở, mềm dẻo, linh hoạt để điều chỉnh các tính năng không chỉ phù hợp với yêu cầu hiện tại mà còn sẵn sàng cho sự phát triển trong tương lai của doanh nghiệp cũng như sự biến động về chính sách, chế độ của Nhà nước (*thiết kế hợp với yêu cầu đa dạng của thực tế*). Với nền tảng ứng dụng (*Framework*) được thiết kế trên công nghệ hiện đại cho phép phần mềm BRAVO dễ dàng được sửa đổi, thêm bớt chức năng trong từng phân hệ (*module*) và thêm những phân hệ mới.

Quy trình xử lý trình tự công việc (Workflow)

Quy trình làm việc của doanh nghiệp có rất nhiều bộ phận cũng như nhân viên tham gia. Việc phối hợp xử lý công việc cũng như đồng nhất dữ liệu giữa các nhân viên, bộ phận rất phức tạp cần phải quy định trình tự các bước thực hiện sao cho việc nhập, khai thác dữ liệu tránh trùng lặp và sai sót. BRAVO cho phép người sử dụng tự khai báo, định nghĩa quy trình xử lý tuần tự các công việc phù hợp với thực tế doanh nghiệp.

Phần mềm kế toán Fast Accounting



Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 8.500 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...

Fast Accounting 11 được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet. Đặc biệt Fast Accounting 11 có thể chạy đồng thời dưới dạng ứng dụng windows hoặc ứng dụng web thông qua các trình duyệt phổ biến như Internet Explorer, Fire Fox...

Fast Accounting 11 cho phép chạy trên web-based giúp cho người sử dụng không phải cài đặt phần mềm trên máy tính, chỉ cần truy cập qua địa chỉ trên web, gõ tên và mật khẩu là có thể làm việc bình thường. Điều này đặc biệt thuận lợi khi làm việc từ xa và khi mở rộng thêm văn phòng, chi nhánh, cửa hàng...

❖ Ý kiến thứ ba: Hoàn thiện việc luân chuyển chứng từ kế toán:

Việc luân chuyển chứng từ từ các phòng ban tới phòng kế toán còn chậm gây dồn ứ công việc sang tháng làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên kế toán vất vả trong công việc. Vì vậy để chứng từ được luân chuyển kịp thời và đầy đủ công ty nên có những quy định về ngày luân chuyển chứng từ trong tháng.

Chẳng hạn như doanh nghiệp có thể quy định đến các ngày nhất định trong tháng các phòng, ban phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó một cách cập nhật nhất. Với công nghệ thông tin bây giờ rất hiện đại có thể sử dụng các ứng dụng của mạng internet như email...

Công ty có chế độ, quy định thưởng với những phòng ban luân chuyển chứng từ kịp thời và phê bình, kỷ luật đối với những cá nhân, tập thể không thực hiện đúng quy định để quản lý giờ làm việc, bàn giao công việc hợp lý và trách nhiệm của từng người để tăng hiệu suất làm việc.

❖ ***Ý kiến thứ tư: Hoàn thiện việc kế toán sửa chữa lớn tài sản cố định***

Sửa chữa lớn là loại sửa chữa có các đặc điểm, mức độ hư hỏng nặng nên kỹ thuật sửa chữa phức tạp, công việc sửa chữa có thể do doanh nghiệp tự thực hiện hoặc thuê ngoài, thời gian sửa chữa kéo dài và TSCĐ phải ngưng hoạt động, chi phí phát sinh lớn nên không thể tính hết một lần vào chi phí của đối tượng sử dụng phương pháp phân bổ thích ứng. Vì vậy công ty cần có kế hoạch cũng như dự trù kinh phí cho sửa chữa lớn tài sản cố định.

* ***Tài khoản sử dụng:***

TK 241 (2413): Sửa chữa lớn TSCĐ; TK 242: Chi phí trả trước và các tài khoản liên quan: TK 111, 112, ...

* ***Phương pháp hạch toán:***

Công tác sửa chữa lớn tài sản cố định của doanh nghiệp có thể tiến hành theo phương thức tự làm hoặc giao thầu:

- *Theo phương thức tự làm:* Khi chi phí sửa chữa lớn phát sinh, căn cứ chứng từ phát sinh chi phí để hạch toán:

Nợ TK 241- XDCB dở dang

Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111, 112, 152, ...

Khi công trình sửa chữa lớn đã hoàn thành, kế toán phải tính giá thực tế của từng công trình sửa chữa lớn để quyết toán số chi phí này theo các trường hợp sau:

+ Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị nhỏ:

Nợ TK 154, 642

Có TK 241- XDCB dở dang (2413)

+ Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất, kinh doanh, khi công việc sửa chữa lớn TSCĐ hoàn thành, tiến hành kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước hoặc chi phí phải trả về sửa chữa lớn TSCĐ:

Nợ TK 242- Chi phí trả trước

Nợ TK 335- Chi phí phải trả

Có TK 241-XDCB dở dang (2143)

+ Trường hợp sửa chữa lớn hoặc cải tạo, nâng cấp thỏa mãn điều kiện ghi tăng nguyên giá TSCĐ, ghi:

Nợ TK 211- TSCĐ hữu hình

Có TK 241- XDCB dở dang (2413)

• Theo phương thức giao thầu:

Khi nhận khối lượng sửa chữa lớn do bên nhận thầu bàn giao, ghi:

Nợ TK 241- XDCB dở dang (2413)

Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331- Phải trả cho người bán.

KẾT LUẬN

Tài sản cố định là cơ sở vật chất không thể thiếu trong quá trình sản xuất kinh doanh tại mỗi doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế quốc dân nói chung. Kế toán tài sản cố định và phân tích tình hình sử dụng tài sản cố định không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng quản lý, sử dụng tài sản cố định mà còn có ý nghĩa thực tiễn trong quá trình định hướng đầu tư.

Có thể nói, khóa luận đã nêu được ra các vấn đề cơ bản sau:

Về lý luận, bài viết đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Về thực tiễn, bài viết đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2018).

Về mặt giải pháp, bài viết đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty, như: Giải pháp về tính khấu hao, giải pháp về hiện đại hóa công tác ghi chép sổ sách kế toán, giải pháp về luân chuyển chứng từ kế toán, giải pháp về sửa chữa lớn tài sản cố định.

Do trình độ lý luận và thực tiễn còn hạn chế, thời gian thực tập có hạn, nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của thầy, cô giáo và các anh chị phòng kế toán của Công ty để bài khóa luận của em được phong phú và lý luận sát với thực tiễn ở công ty.

Qua đây, em xin chân thành cảm ơn các anh chị trong Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín; cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh và đặc biệt là cô giáo **Ths. Lê Thị Nam Phương** đã giúp em để em có thể hoàn thiện bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Bộ Tài chính (2016), *Thông tư 133/2016/TT-BTC*
4. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín (2018) *Sổ sách kế toán Công ty*.
5. Các tài liệu khác trên internet.